



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETRAVEL
(Sửa đổi, bổ sung lần 20)

Điều lệ SDBS lần 20 được thông qua ngày *29/04/2025*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	1
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
CHƯƠNG II.....	4
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người Đại diện theo pháp luật	5
CHƯƠNG III	6
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	13
CHƯƠNG IV.....	13
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	13
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	13
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	14
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	15
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	15
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	17
CHƯƠNG V	18
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ.....	18
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị	18
CHƯƠNG VI.....	18
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	18
Điều 12. Quyền hạn của Cổ đồng Công ty	18
Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đồng.....	20
Điều 14. Đại hội đồng cổ đồng	22
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội cổ đồng	23
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	25
Điều 17. Thay đổi các quyền	26
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đồng	27
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đồng	28
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng	29
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đồng	31

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	36
CHƯƠNG VII.....	36
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	36
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	36
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	39
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	43
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	44
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Ủy ban của Hội đồng quản trị.....	46
Điều 31. Văn phòng Hội đồng quản trị.....	51
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	51
Điều 33. Ủy ban Kiểm toán	52
CHƯƠNG VIII.....	54
TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	54
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý.....	54
Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp	54
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	55
CHƯƠNG IX.....	57
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	57
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	57
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	57
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	60
CHƯƠNG X	61
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	61
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	61
CHƯƠNG XI.....	61
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	61
Điều 41. Người lao động và Công đoàn	61
CHƯƠNG XII	62
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	62
Điều 42. Phân phối lợi nhuận	62
CHƯƠNG XIII.....	63
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH	63
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	63
Điều 43. Tài khoản ngân hàng	63
Điều 44. Năm tài chính	63

Điều 45. Chế độ kế toán.....	63
CHƯƠNG XIV.....	64
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	64
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	64
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	64
Điều 47. Báo cáo thường niên	65
CHƯƠNG XV	65
KIỂM TOÁN CÔNG TY	65
Điều 48. Kiểm toán.....	65
CHƯƠNG XVI.....	66
CON DẤU	66
Điều 49. Con dấu	66
CHƯƠNG XVII	66
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	66
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	66
Điều 51. Gia hạn hoạt động	66
Điều 52. Thanh lý	67
CHƯƠNG XVIII.....	67
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	67
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	68
CHƯƠNG XIX.....	68
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	68
Điều 54. Điều lệ Công ty	68
CHƯƠNG XX	69
NGÀY HIỆU LỰC.....	69
Điều 55. Ngày hiệu lực	69

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - 1.1 "Công ty" là Công ty Cổ phần Du lịch Vietravel.
 - 1.2 "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty do tất cả cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
 - 1.3 "Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Vietravel.
 - 1.4 "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - 1.5 "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Luật này.
 - 1.6 "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và đang có hiệu lực áp dụng.
 - 1.7 "Cổ đông" là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
 - 1.8 "Người Quản lý" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban tài chính kế toán và Kế toán trưởng Công ty.
 - 1.9 "Người đại diện theo ủy quyền" là cá nhân được cổ đông là tổ chức ủy quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền cổ đông của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.
 - 1.10 "Người được ủy quyền dự họp" là cá nhân, tổ chức được Cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền chỉ định một cách hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.11 "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của

Luật Doanh nghiệp 2020 và khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán 2019;

- 1.12 "Đối thủ cạnh tranh" có nghĩa là bất cứ cá nhân, tổ chức nào hoặc doanh nghiệp nào, ngoại trừ các doanh nghiệp có sự đầu tư vốn của Công ty, mức độ của việc đầu tư sẽ được đề cập cụ thể trong Quy chế quản trị nội bộ, trực tiếp hay gián tiếp thực hiện hoặc tham gia hoạt động sản xuất - kinh doanh các sản phẩm - dịch vụ giống hoặc tương tự hoặc có thể thay thế với các sản phẩm - dịch vụ mà Công ty đang thực hiện hoặc tham gia sản xuất - kinh doanh.
- 1.13 "Người đầu tư" là: (i) người đại diện cho Cổ đông là tổ chức, (ii) Cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện của Cổ đông là cá nhân, mà Cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân) đó có ý định nắm giữ hoặc cùng với Người có liên quan quy định tại Điều 1 của Điều lệ này có ý định nắm giữ từ 25% vốn cổ phần của Công ty trở lên.
- 1.14 "Người đầu tư thù địch" là: Người có mục đích, động cơ, hành vi đi ngược lại với quyền lợi của Công ty Vietravel, thông qua các hành vi, ý định đầu tư cổ phần, cổ phiếu bằng nhiều cách nhưng không công bố theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 1.15 "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.16 "Cổ phần" là phần chia nhỏ nhất của vốn điều lệ thành các phần bằng nhau và được thể hiện dưới hình thức là cổ phiếu.
- 1.17 "Cổ phần bị thu hồi" là số cổ phần mà Người lao động đã mua theo quy định tại Điều 48 Nghị định 59/NĐ-CP/2011 nhưng vi phạm các điều kiện hạn chế của loại cổ phần này và bị Công ty thu hồi lại.
- 1.18 "Cổ phần được thu hồi" là cổ phần mà trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty thấy cần thiết mua lại theo quy định của Điều lệ này.
- 1.19 "Cổ phiếu" là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- 1.20 "Tái cơ cấu Doanh nghiệp" là việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Công ty, bằng cách xây dựng lại sơ đồ cơ cấu tổ chức, thay đổi các phòng ban chức năng với những tên gọi mới theo hệ thống.

- 1.21 "Thời gian cam kết" là thời gian mà Người lao động của Công ty cam kết số năm làm việc nhất định tại Công ty để mua cổ phần ưu đãi mua thêm theo khoản 2 điều 48 Nghị định 59/NĐ-CP/2011.
- 1.22 "Thương hiệu Vietravel" là tên, thuật ngữ, ký hiệu hoặc kết hợp tất cả các yếu tố này và được đăng ký bảo hộ theo luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam và theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Thương hiệu Vietravel và các quyền sở hữu trí tuệ khác của Công ty là tài sản đặc biệt của Công ty Vietravel.
- 1.23 "Chuyển đổi mô hình Công ty" là sự chuyển đổi các mô hình Công ty theo quy định pháp luật Doanh nghiệp. Theo đó từ mô hình Công ty quản lý tập trung toàn diện (Công ty Cổ phần) sẽ được chuyển đổi thành dạng Công ty tập đoàn với Công ty mẹ, công ty con nhằm đạt được sự quản lý theo chiều rộng và chiều sâu, tăng cường lợi ích và giảm thiểu rủi ro.
- 1.24 "Công ty mẹ": Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- + Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;
 - + Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó;
 - + Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó.
- 1.25 "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- 1.26 "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
- 1.27 "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban Tài chính kế toán, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị";
- 1.28 "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019;

1.29 "Người nội bộ của Công ty" là:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật;
 - b) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - c) Giám đốc Ban tài chính kế toán; Kế toán trưởng;
 - d) Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán, Thành viên thuộc Ủy Ban kiểm toán, Thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký Công ty;
 - đ) Người được ủy quyền công bố thông tin.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của chúng.
 3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETRAVEL**
 - Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **VIETTRAVEL TOURISM JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **VIETRAVEL**

Công ty được sử dụng tên gọi, cờ hiệu, biểu tượng và con dấu riêng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của

Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: 190 Pasteur, phường Xuân Hòa, TP. HCM, Việt Nam
 - Điện thoại: 028 3866 8999
 - Fax: 028 3829 9142
 - Email: info@vietravel.com.vn
 - Website: <http://vietravel.com.vn>
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh; văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
5. Thời hạn hoạt động: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 02 Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người Đại diện theo pháp luật

1. Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty trước bên thứ ba để thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm nhưng không giới hạn các quyền sau:
 - a. Đại diện Công ty Cổ Phần Du lịch Vietravel để mở tài khoản tại các Ngân hàng, Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, thay mặt Công ty thực hiện các giao dịch tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng.
 - b. Đại diện Công ty trong quan hệ với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
 - c. Đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và trong các quan hệ tố tụng khác.

- d. Nhân danh Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch, văn bản, chứng từ trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty, phát sinh giữa Công ty và các cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước.
- e. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy định Công ty.
3. Người đại diện theo pháp luật được ủy quyền lại cho người khác thực hiện một hoặc một số công việc của mình theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
- 4. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm**
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty; tôn thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định Công ty và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
 - Trung thành với lợi ích của Công ty, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi và phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - Chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm các trách nhiệm nêu trên.
5. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một Người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Tổng Giám đốc hoặc cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật vẫn chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
6. Trường hợp Công ty chỉ có một Người đại diện theo pháp luật mà người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền hoặc thuộc các trường hợp không thể thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị có trách nhiệm cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Mục tiêu của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận có thể có được của Công ty cho các Cổ đông, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho Người lao động và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. Đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Ngành nghề kinh doanh chính: Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế)

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế	7912 (chính)
2.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết : Đại lý đổi ngoại tệ; Dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.	6419
3.	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại.	7310
4.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông. Chi tiết: mua bán điện thoại di động và simcard	4652
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.	4649
6.	Hoạt động phiên dịch	7430
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý vận tải xếp dỡ, giao nhận hàng hóa theo sự ủy thác của chủ hàng; Đại lý và môi giới Hàng hải; Đại lý vé máy bay cho các hãng Hàng không; Dịch vụ đại lý tàu biển. Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không. Dịch vụ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hóa để vận chuyển.	5229
8.	Cho thuê xe có động cơ	7710
9.	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác Chi tiết: Tư vấn du học	8569
10.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933

	Chi tiết: Vận tải hàng hóa thông thường; Vận tải hàng hóa thông thường khác; Hoạt động chuyên chở đặc (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	
11.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. Chi tiết: Du lịch lặn biển (Hoạt động bơi lội thể thao dưới nước).	9312
12.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận chuyển khách du lịch	4932
13.	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Khách sạn (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)	5510
14.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.	5610
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hoạt động trong lĩnh vực có sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất,... làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, phim, ảnh)	8230
16.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm.	6622
17.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông Chi tiết: Bán lẻ các loại thẻ cào điện thoại; - Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; thiết bị nghe nhìn	4740
18.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dạy ngoại ngữ; Dạy máy tính)	8559
19.	Xây dựng nhà để ở	4101
20.	Xây dựng nhà không để ở	4102
21.	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8533
22.	Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở)	8541
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không <u>Chi tiết:</u> Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không; bán quảng cáo trên chuyến bay và trên mặt đất; cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay; dịch vụ cung cấp phụ tùng máy bay; dịch vụ chuyên ngành hàng không khác.	5223

25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ kinh doanh bến ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển)	5225
26.	Bưu chính	5310
27.	Chuyển phát	5320
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
29.	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản (Trừ tư vấn pháp lý)	6821
30.	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng (Trừ đấu giá)	6829
31.	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật khác (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở)	9019
32.	Hoạt động biểu diễn nghệ thuật (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở)	9020
33.	Hoạt động liên quan đến du lịch khác	7990
34.	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu và dịch vụ mạng xã hội	6310
35.	Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử; Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông	6390
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
37.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Bao gồm: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ (trong đó cung cấp dịch vụ đồ uống là chủ yếu); hàng bia, quán bia; quán cafe, nước hoa quả, giải khát; dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống... (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5630
38.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

39.	Bán buôn đồ uống	4633
40.	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
41.	Bán lẻ thực phẩm	4722
42.	Bán lẻ đồ uống	4723
43.	Hoạt động vui chơi giải trí khác Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che, v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; - Hoạt động của các sàn nhảy (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động); - Hoạt động của các phòng hát karaoke (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).	9329
44.	Cung ứng lao động tạm thời	7821
45.	Đào tạo trung cấp <u>Chi tiết:</u> Dạy nghề	8532
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt <u>Chi tiết:</u> Đại lý bán vé tàu hỏa	5221
47.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ môi giới bất động sản và đấu giá tài sản)	4610
48.	Bán buôn tổng hợp	4690
49.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm	4761
50.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ)	4762
51.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi	4763

	(không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	
52.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da	4771
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng, vitamin tổng hợp (trừ dược phẩm); - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng thủ công mỹ nghệ; - Bán lẻ các loại thẻ cào điện thoại; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt; máy ảnh và vật liệu ảnh, thức ăn cho động vật cảnh, đồ dùng cho thú nuôi, vật cảnh.	4773
54.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	4772
55.	Bán lẻ lương thực	4721
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
57.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
58.	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
59.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chiến lược cá nhân, tư vấn quản trị tài sản phục vụ mục đích đầu tư, định cư, theo quy định của pháp luật hiện hành (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); Tư vấn lập hồ sơ đầu tư cá nhân, tư vấn lập hồ sơ định cư nước ngoài và các dịch vụ hỗ trợ hành chính liên quan khác (trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7499
60.	Dịch vụ spa và xông hơi Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)	9623
61.	Bán lẻ sản phẩm văn hóa, giải trí khác chưa phân vào đâu	4769
62.	Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở)	4790
63.	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng	8210

	Chi tiết: Dịch vụ làm thủ tục xin visa trên cơ sở phí hoặc Hợp đồng (trừ tư vấn pháp luật, dịch vụ pháp lý và các hoạt động được quy định tại luật Luật sư)	
64.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hành khách	5232
65.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hàng hóa	5231
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5011
67.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5210
68.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho các hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chưa được phân vào đâu (trừ trung gian tài chính) Chi tiết: Hoạt động trung gian cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện giải trí khác.	8240
69.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ lưu trú Chi tiết: Dịch vụ đặt phòng, đặt chỗ cho lưu trú.	5530
70.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo (trừ thuốc lá điện tử)	4724
71.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
72.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
73.	Bán lẻ vải, len, sợi, chi khâu và hàng dệt khác	4751
74.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán lẻ thiết bị và dụng cụ làm vườn và thiết kế cảnh quan; Bán lẻ thiết bị vệ sinh.	4752
75.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753
76.	Hoạt động các trang mạng xã hội và hoạt động phân phối nội dung khác	6039
77.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc Chi tiết: Hoạt động chăm sóc sức khỏe người già, người không có khả năng tự chăm sóc	8730
78.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho các hoạt động chăm sóc tập trung	8791
79.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu	8799

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền; hợp và ký các hồ sơ, văn bản, giấy tờ có liên quan đến việc bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Công ty không có Cổ đông sáng lập.
2. Công ty không có vốn Nhà nước
3. Vốn điều lệ:
 - Vốn điều lệ của Công ty cổ phần: 664.944.100.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi bốn tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng).
 - Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
 - Số lượng cổ phần: 66.494.410 cổ phần.
4. Vốn điều lệ của Công ty là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán. Mệnh giá của cổ phần là 10.000 (mười nghìn) VNĐ/cổ phần. Tổng số cổ phần của Công ty bằng với Vốn điều lệ của Công ty chia cho mệnh giá của cổ phần.
5. Công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.
6. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi

phù hợp với các quy định của Pháp luật.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ phiếu của cổ phần phổ thông của Công ty phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - 1.1 Tại thời điểm thông qua bản Điều lệ này, tất cả các cổ phần được phát hành vào ngày thông qua bản Điều lệ đầu tiên của Công ty đều là cổ phần phổ thông.
 - 1.2 Riêng đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi khác (nếu có) của Công ty còn có các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 7 của Điều lệ này.
3. Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chỉ có một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu được chuyển nhượng

thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp, thiệt hại phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Cổ đông phải nộp lại bản gốc chứng chỉ cũ, chứng chỉ bị hư hỏng hoặc cung cấp tài liệu chứng minh (trong trường hợp chứng chỉ cũ bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy).

6. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
7. Trong khuôn khổ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Công ty có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không), được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông được thực hiện như sau:
 - 1.1 Các cổ đông của Công ty mua cổ phần với giá ưu đãi theo khoản 1 Điều 48 NB 59/2011/NĐ-CP trước đây được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- 1.2 Cổ phần đã hết thời gian cam kết hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP và phương án phát hành sau này của Công ty được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 1.3 Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông là Người lao động đã mua theo cam kết làm việc lâu dài phải tuân thủ theo quy định của Nghị định 59/2011/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung nghị định này.
- 1.4 Cổ đông mua cổ phần thông qua tổ chức đấu giá công khai được tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 1.5 Việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông đã mua theo các phương án phát hành của Công ty sau ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (công ty cổ phần) sẽ thực hiện theo quy định tại Phương án phát hành lần đó và theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Trừ cổ phần của cổ đông nêu tại khoản 1.1, 1.2 1.4 điều này, việc chuyển nhượng cổ phần tại khoản 1.3 điều này trước khi hết thời hạn cam kết theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP trước đây thì phải chuyển nhượng lại cho Công ty.
 - 2.1 Trình tự và thủ tục chuyển nhượng: Theo khoản 3 điều này.
 - 2.2 Giá chuyển nhượng như sau: Đối với, cổ phần của Người lao động mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài, thì sẽ chuyển nhượng lại cho Công ty theo giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm Công ty cổ phần hóa;
3. Tất cả cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng được chuyển nhượng theo quy định của Luật Chứng khoán hiện nay: Cổ phiếu đã niêm yết được chuyển nhượng thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Đối với cổ phiếu chưa niêm yết hoặc chưa tham gia thị trường UPCoM, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo Quyết định số 56/QĐ-UBCK ngày 31 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Người lao động sở hữu số cổ phần được mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 trước đây có các quyền của Cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Cổ phiếu của loại cổ phần này chỉ được

chuyển nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết. Việc chuyển đổi số cổ phần này thành cổ phần phổ thông phải tuân thủ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung nghị định này.

5. Trường hợp thực hiện tái cơ cấu Công ty dẫn đến việc Người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trong trường hợp này, Người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì Công ty có trách nhiệm mua theo giá bình quân của thị trường tại thời điểm chuyển nhượng.
6. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị có quyền thực hiện việc từ chối đăng ký chuyển nhượng nêu trên.
7. Trong trường hợp một Cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ là người hoặc những người duy nhất được Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không có nghĩa giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Đối với trường hợp có tranh chấp về thừa kế, thì tư cách biểu quyết sẽ bị đình chỉ và quyết định có hiệu lực của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ được Công ty chấp thuận làm căn cứ xác định tư cách cổ đông với đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trong trường hợp Công ty phát hiện Cổ phần mua thêm quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 được chuyển nhượng khi chưa kết thúc thời gian cam kết như quy định, Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết

định trong việc cưỡng chế và thu hồi số cổ phần trên với giá sát với giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa. Số cổ phần bị thu hồi sẽ được xử lý theo quy định tại điều 36 Luật Chứng khoán 2019.

2. Các trường hợp mua lại cổ phần khác thực hiện theo quy định của pháp luật, theo cam kết của cổ đông và quy định của phương án phát hành cổ phiếu tại từng thời điểm phát hành.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị

Cơ cấu tổ chức, quản trị của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ủy ban kiểm toán (UBKT) trực thuộc HĐQT
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền hạn của Cổ đông Công ty

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi các cổ phần mà Cổ đông đó nắm giữ.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - 2.1 Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo các phương thức khác được quy định tại Điều lệ này; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- 2.2 Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 2.3 Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- 2.4 Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này;
- 2.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
- 2.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 2.7 Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- 2.8 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp; và các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- 2.9 Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu **từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên** có các quyền sau:
 - a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c) Yêu cầu **Hội đồng quản trị** kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ

76

- chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Ủy ban kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.** Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:
- 1.1 Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế của Công ty; các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 1.2 Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong

phạm vi số cổ phần nắm giữ tại Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;

1.3 Cung cấp địa chỉ thường trú hoặc tạm trú dài hạn (nếu có từ 02 địa chỉ lưu trú trở lên) khi đăng ký mua cổ phần;

1.4 Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Pháp luật quy định;

1.5 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức khi thực hiện một trong các hành vi sau đây:

1.5.1 Vi phạm pháp luật;

1.5.2 Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

1.5.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra với Công ty.

2. Báo cáo về sở hữu của Cổ đông lớn:

2.1 Cổ đông lớn là Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của Công ty phải báo cáo Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành Cổ đông lớn.

2.2 Báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau đây:

2.2.1 Tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với Cổ đông lớn là tổ chức; họ tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với Cổ đông lớn là cá nhân; các cổ đông này phải chứng minh nguồn tài chính khi đăng ký mua cổ phần.

2.2.2 Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do Cổ đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

2.3 Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại khoản 2.2 trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá 1% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn

phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.

- 2.4 Quy định tại các khoản 2.1, khoản 2.2, khoản 2.3 trên đây cũng áp dụng đối với nhóm Người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - 3.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - 3.2 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - 3.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

3.4 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu họ có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

3.5 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

4.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 3.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại đi khoản 3.3 và khoản 3.4 Điều này;

4.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4.1 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

4.3 Trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4.2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3.3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
2. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
3. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

4. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; [trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán];
5. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
6. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
7. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
8. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
9. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
10. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
11. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
12. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
13. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
14. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
15. Hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
16. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của

Luật Chứng khoán;

17. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
18. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - 2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - 2.2 Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - 2.3 Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - + Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - 5.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - 5.2 Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - 5.3 Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19, 20 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành

thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng và phải thực hiện các công việc sau đây:
 - 1.1 Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. **Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày** trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - 1.3 Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - 1.4 Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - 1.5 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - 1.6 Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - 1.7 Các công việc khác phục vụ đại hội.
2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - 2.1 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- 2.2 Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- 2.3 Thẻ/Phiếu biểu quyết;
- 2.4 Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- 2.5 Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - 4.1 Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - 4.2 Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - 4.3 Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 4.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ/Phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ/phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ/ phiếu phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số thẻ/phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số thẻ/phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
2. Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - 2.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì thành viên độc lập Hội đồng quản trị điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.

- 2.2 Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- 2.3 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- 2.4 Đại hội đồng cổ đông bầu Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
5. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - 6.1 Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp khác;
 - 6.2 Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
9. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
10. Công ty/ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền tổ chức Đại hội bằng hình thức trực tuyến hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc theo hình thức kết hợp tổ chức theo hình thức truyền thống và trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Quy trình, thủ tục tổ chức và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật, Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hướng dẫn tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 15 Điều lệ bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - 2.1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2.2, khoản 3, khoản 4 điều này và khoản 1 điều 17 Điều lệ này;
 - 2.2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi cơ cấu tổ chức

quản lý Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng **hoặc lớn hơn 50%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; các Giao dịch, vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ này (nếu có) được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành.

- 2.3 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông **sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết** tán thành.
3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại **khoản 3 Điều 148** Luật Doanh nghiệp.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi Nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp ;
2. Hội đồng quản trị có quyền tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử. Quy trình, thủ tục lấy ý kiến Đại hội cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.
3. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ

đồng, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 điều 143 Luật Doanh nghiệp.

4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 4.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - 4.2 Mục đích lấy ý kiến;
 - 4.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - 4.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 4.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - 4.6 Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - 4.7 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - 5.1 Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - 5.2 Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư

điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 6.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - 6.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
 - 6.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - 6.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - 6.5 Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - 6.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được phải được công bố lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm

Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực pháp luật.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một

cách trưng thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị sẽ không nhiều hơn 9 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. **Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.**

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

1.1 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Phải mang quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam ít nhất là 06 tháng liên tục;
- b) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông Công ty;
- d) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của 05 Công ty khác.

1.2 Bất cứ người nào vừa là Người thu tóm nhưng đồng thời lại là Đối thủ cạnh tranh hoặc người đại diện của Đối thủ cạnh tranh của Công ty thì không được đề cử để bầu vào Hội đồng quản trị.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có ít hơn năm (05) người, Công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Khi Công ty niêm yết, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

3.1 Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp:

- a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Trong quá trình là thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông đã đề cử tín nhiệm thành viên này bị giảm dưới mức tối thiểu theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ này..

3.2 Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm nhiệm trong các trường hợp:

- a) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- c) Thành viên đó cùng lúc vừa là Người thầu tóm nhưng đồng thời cũng vừa là Đối thủ cạnh tranh hoặc người đại diện của Đối thủ cạnh tranh của Công ty;

3.3 Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3.4 Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và thông báo về việc thành viên Hội đồng quản trị mất tư cách là thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp nêu tại khoản 3.1 và 3.2 Điều này. Đồng thời thành viên bị mất tư cách sẽ không còn các quyền biểu quyết, phủ quyết, thù lao và các lợi ích khác tại Công ty. Quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm chính thức sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp gần nhất.

Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng bị giảm quá một phần ba.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - 2.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm

- của Công ty;
- 2.2 Kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông về loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 2.3 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - 2.4 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - 2.5 Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp và Điều 9 của Điều lệ này;
 - 2.6 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, truyền thông và công nghệ thông tin; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 13, khoản 15, khoản 16 Điều 15 Điều lệ này
 - 2.7 Quyết định đầu tư có giá trị **dưới 50%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
 - 2.8 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, duyệt thù lao, tiền lương đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác trong Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - 2.9 Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - 2.10 Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - 2.11 Quyết định thông qua các Quy chế :
 - Quy chế Tài chính của Công ty;
 - Quy chế Tuyển dụng, bổ nhiệm và sử dụng nhân sự của Công ty;
 - Thông qua hệ thống KPI và Quy chế/Phương án Tiền lương/ Thang bảng lương của Công

ty;

- Quy chế liên quan đến phân quyền của HĐQT;
 - Một số Quy chế khác mà Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết phải thông qua.
- 2.12 Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - 2.13 Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
 - 2.14 Quyết định cơ cấu tổ chức, quyết định thành lập, thay đổi, giải thể/chấm dứt hoạt động, tạm ngừng kinh doanh công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua, bán cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - 2.15 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - 2.16 Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.17 Kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông về mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Tổ chức việc chi trả cổ tức.
 - 2.18 Kiến nghị việc tổ chức lại toàn bộ, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - 2.19 Thực hiện các quyền khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông,
 - 2.20 Hội đồng quản trị có quyền xem xét/quyết định bất kỳ giao dịch nào thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên nếu chứng minh được bằng văn bản pháp lý.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

3.1 Thành lập, chấm dứt hoạt động các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

- 3.2 Thành lập, chấm dứt hoạt động các công ty con của Công ty;
- 3.3 Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 153 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
- 3.4 Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- 3.5 Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- 3.6 Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- 3.7 Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- 3.8 Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- 3.9 Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
- 3.10 Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- 3.11 Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- 3.12 Quyết định việc chuyển nhượng và cho thuê các quyền sở hữu trí tuệ của Công ty cho cá nhân, tổ chức khác;
- 3.13 Thông qua về mặt chủ trương đối với các vấn đề về số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
- 3.14 Quyết định, phê duyệt và chấp thuận các giao dịch cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Công ty con của Công ty Vietravel.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về hoạt động của mình, bao gồm việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người

điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
5. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành

35
T
A
C
V

u

mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.
2. Quyền và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - 2.1 Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 2.2 Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ trì Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
 - 2.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.4 Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.5 Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - 2.6 Phụ trách chỉ đạo và phê duyệt về công tác tổ chức bộ máy, nhân sự của Công ty, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, cụ thể:
 - Quyết định thành lập, tái cấu trúc và giải thể các phòng, ban, địa điểm kinh doanh của Công ty;
 - Chủ động xây dựng và kiến nghị Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề về công tác tổ chức thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT;
 - Phê duyệt và ký các văn bản về công tác tổ chức – nhân sự của Công ty; Phê duyệt kế hoạch phát triển nhân sự hàng năm của Công ty.

- 2.7 Kiến nghị lên Hội đồng quản trị, bổ nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc;
 - 2.8 Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;
 - 2.9 Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải thông qua Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức trong vòng 15 ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
 - 2.10 Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.11 Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.12 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, quy định Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt tại Việt Nam **quá 30 ngày làm việc** hoặc trong trường hợp không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và thông báo cho Hội đồng quản trị về sự vắng mặt của mình. Nếu Chủ tịch không chỉ định thành viên khác của Hội đồng quản trị, thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một thành viên thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán. Nhiệm vụ của Thành viên thay thế này sẽ chấm dứt sau khi Chủ tịch Hội đồng quản trị quay trở lại làm việc. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt quá 30 ngày làm việc tại Việt Nam mà không ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thì Hội đồng quản

10/12/2018

22

trị họp bầu một thành viên khác làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Ủy ban của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - 3.1. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - 3.2. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - 3.3. Ít nhất 03 thành viên Hội đồng quản trị;
 - 3.4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - 3.5. Ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. **Địa điểm họp:** cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. **Số thành viên tham dự tối thiểu:** Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị cũng được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc.
9. **Biểu quyết:**
 - 9.1 Trừ trường hợp quy định tại khoản 9.2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - 9.2 Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao

dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó có lợi ích cùng với lợi ích của bất kỳ Người có liên quan nào mà đối với thành viên đó lợi ích này là đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công ty; hoặc là lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mà lại mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 10 Điều 38 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

- 9.3 Theo quy định tại khoản 9.2 Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị chung thẩm và là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
10. **Tuyên bố lợi ích:** Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. **Biểu quyết đa số:** Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc

về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. **Việc bỏ phiếu của người vắng mặt:** Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt mà không có người được ủy quyền thay thế thì có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị bằng phương thức gửi phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho thư ký không muộn hơn 1 tiếng đồng hồ trước thời gian khai mạc cuộc họp.
13. **Họp nghị sự:** Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - 13.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - 13.2 Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. **Thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:** Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết này có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký. Sau khi nhận được, Phiếu lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị sẽ được tổng hợp và lập thành Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, có đầy

đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị phải biểu quyết và phản hồi nội dung lấy ý kiến trong vòng 03 ngày, kể từ ngày nhận được phiếu lấy ý kiến. Đối với các vấn đề có tính chất quan trọng, khẩn cấp theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị phải biểu quyết và phản hồi trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được phiếu lấy ý kiến.

15. **Biên bản cuộc họp**: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài và phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.
16. **Những người được mời họp dự thính**: Tổng Giám đốc, những Người Quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.
17. **Các Ủy ban của Hội đồng quản trị**:
 - Hội đồng quản trị được thành lập Ủy ban Tổ chức Nhân sự, Ủy ban Tài chính và Đầu tư, Ủy ban Kế hoạch và Phát triển, và các Ủy ban khác căn cứ vào nhu cầu thực tế để hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho các Ủy ban này được quyền hành động và chỉ đạo, điều phối cấp cao đối với các vấn đề chiến lược để triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thành viên của Ủy ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các Ủy ban có thể thành lập các Tổ giúp việc nếu xét thấy cần thiết và phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.
 - Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các Ủy ban và

trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 31. Văn phòng Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị gồm các Tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên của Văn phòng HĐQT do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Văn phòng HĐQT do Chủ tịch Hội đồng quản trị phụ trách, Chức năng và nhiệm vụ của Văn phòng HĐQT phải tuân thủ theo Quy chế hoạt động của Văn phòng HĐQT do Hội đồng quản trị ban hành, phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - d) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Ủy ban Kiểm toán

1. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban Kiểm toán

- 1.1 Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
- 1.2 Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

- 2.1 Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
- 2.2 Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- 2.3 Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

3. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 3.1 Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
- 3.2 Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
- 3.3 Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

- 3.4 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- 3.5 Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 3.6 Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.
- 3.7 Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định Công ty.

4. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

- 4.1 Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
- 4.2 Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

5. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- 5.1 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 5.2 Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty];
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

- c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành quan trọng khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong

hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - 1.1 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trình kế hoạch kinh doanh – tài chính tháng/quý/năm và thực hiện theo Kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
 - 1.2 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động đã ký với Công ty, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - 1.3 Ký các hồ sơ, văn bản, hợp đồng, giao dịch, chứng từ theo ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - 1.4 Kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - 1.5 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - 1.6 Kiến nghị, tư vấn về số lượng và người điều hành doanh nghiệp, lãnh đạo cấp trung mà

N:0
C
I
VI
H.P

3

- Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy định tại Điều lệ này và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với họ để Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định;
- 1.7 Trình kế hoạch về nhân sự của Công ty. Trong đó việc hoạch định số lượng nhân sự trong Công ty theo nguyên tắc sau: (i) Số lượng và chất lượng nhân sự giữ chức danh quản lý phải phù hợp với yêu cầu của công việc cần quản lý; (ii) Đạo đức người giữ chức danh quản lý phải minh bạch, liêm khiết và mẫn cán với công việc; (iii) Người giữ chức danh quản lý phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị mà mình quản lý; (iv) trung thành với Công ty.
 - 1.8 Quyết định tuyển dụng/ký hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển, mức lương, chế độ chính sách, xử lý kỷ luật (trừ xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải) và ký quyết định cho thôi việc nhân sự từ cấp trưởng/phó phòng thuộc các ban/đơn vị trực thuộc Công ty trở xuống theo định biên nhân sự đã được HĐQT phê duyệt.
 - 1.9 Thương thảo Thỏa ước lao động tập thể với người lao động; Xây dựng và triển khai Nội quy Công ty, Quy chế nội bộ, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty trừ các Quy chế thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định Điều lệ Công ty.
 - 1.10 Quyết định việc mua sắm, thay thế, thanh lý tài sản là công cụ, dụng cụ và các tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty có giá trị dưới 2 tỷ đồng cho mỗi giao dịch, với điều kiện các giao dịch này không làm thay đổi đáng kể cơ cấu tài sản hoặc hoạt động của Công ty;
 - 1.11 Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - 1.12 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- 1.13 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết/ phân quyền của Hội đồng quản trị, ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật, hợp đồng lao động ký với Công ty.
- 1.14 Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
- 1.15 Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban/ban/ủy ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của

Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì ngoài việc phải tuân thủ theo quy định tại khoản 5-điều 164 Luật Doanh nghiệp, còn phải:
 - + Bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty nếu có xung đột lợi ích.
 - + Buộc phải rút toàn bộ vốn hoặc nhân danh cá nhân ra khỏi tổ chức trên theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Nếu không rút vốn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị thì phải từ bỏ các vị trí, chức vụ mà mình đang nắm giữ tại Công ty.
6. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.
7. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp: Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

8. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp: Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Công ty.
9. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được thực hiện các giao dịch sau: Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành, quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
10. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - 10.1 Đối với hợp đồng có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - 10.2 Đối với những hợp đồng có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này với tỷ lệ biểu quyết đạt 65% tổng số phiếu biểu quyết;

10.3 Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

10.4 Phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định, phê duyệt và chấp thuận các giao dịch cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho các công ty con của Công ty Vietravel hoặc cho cổ đông là tổ chức có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. **Trách nhiệm:** Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người Quản lý khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. **Bồi thường:** Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công

ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty, danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người Quản lý khác có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký Kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của ban kiểm toán nội bộ, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ của Công ty phải được công bố trên website của Công ty. Mọi cổ đông đều có quyền truy cập để biết.

CHƯƠNG XI

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Người lao động và Công đoàn

1. Hàng năm Công ty và Đại diện Công đoàn sẽ xây dựng và ban hành các quy chế phối hợp về tuyển dụng, nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể, tiền lương, khen thưởng, kỷ luật,.... của Công ty và theo các quy định của Pháp luật.
2. Hàng năm Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
3. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông

này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12, năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một công ty mẹ thì báo cáo tài chính hàng năm còn phải bao gồm cả báo cáo tài chính riêng của Công ty lẫn Báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/ công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty

niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty phải lập và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVI

CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định Công ty.

CHƯƠNG XVII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - 1.1 Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản của theo quy định của Pháp luật hiện hành;
 - 1.2 Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - 1.3 Khi các Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc qua ủy quyền biểu quyết giải thể Công ty;
 - 1.4 Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.
2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 51. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 52. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - 3.1 Các chi phí thanh lý;
 - 3.2 Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - 3.3 Nợ thuế;
 - 3.4 Các khoản nợ khác của Công ty;
 - 3.5 Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục 3.1 đến 3.4 trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:
 - Cổ đông với Công ty;
 - Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng Cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
4. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với quy định tại Điều lệ và dẫn đến những quy định tại Điều lệ này trái hoặc gây bất lợi cho Công ty thì Hội đồng quản trị Công ty được quyền xem xét

áp dụng theo các quy định mới của pháp luật và kiến nghị trình Đại hội cổ đông xem xét bổ sung, thay thế vào Điều lệ Công ty tại kỳ Đại hội cổ đông gần nhất..

CHƯƠNG XX

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 20 chương 55 điều được Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Du lịch Vietravel nhất trí thông qua , có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế cho bản Điều lệ ngày *29/04/2026*
2. Điều lệ được lập thành năm (5) bản, có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:
 - 2.1 Một (01) bản nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - 2.2 Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày *29*.tháng *04*. năm 2026. *M*

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**


NGUYỄN QUỐC KỶ





CHARTER
ON THE ORGANISATION AND OPERATION
OF VIETRAVEL TOURISM JOINT STOCK COMPANY

(20th Amendment and Supplement)

The 20th Amendment of this Charter was adopted on

TABLE OF CONTENTS

CHAPTER I.....	1
DEFINITIONS OF TERMS USED IN THIS CHARTER	1
Article 1. Interpretation of Terms	1
CHAPTER II	4
NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, TERM OF OPERATION, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY	4
Article 2. Name, Form, Head Office, Branches, Representative Offices, and Term of Operation of the Company	4
Article 3. Legal Representative	4
CHAPTER III.....	6
OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND OPERATIONS OF THE COMPANY	6
Article 4. Objectives and Business Lines of the Company	6
Article 5. Scope of Business and Operations.....	10
CHAPTER IV	10
CHARTER CAPITAL AND SHARES	10
Article 6. Charter Capital and Shares.....	10
Article 7. Stock Certificates	11
Article 8. Other Securities Certificates.....	12
Article 9. Transfer of Shares	12
Article 10. Compulsory Redemption of Shares	14
CHAPTER V	14
ORGANISATIONAL AND GOVERNANCE STRUCTURE.....	14
Article 11. Organisational and Governance Structure	14
CHAPTER VI.....	14
SHAREHOLDERS AND THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS.....	14
Article 12. Rights of Shareholders	14
Article 13. Obligations of Shareholders	16
Article 14. The General Meeting of Shareholders.....	17
Article 15. Powers and Responsibilities of the General Meeting of Shareholders	19
Article 16. Authorised Representation	20
Article 17. Variation of Rights	21
Article 18. Convening, Agenda and Notice of Meetings of the General Meeting of Shareholders	21
Article 19. Conditions for Conducting a Meeting of the General Meeting of Shareholders	23
Article 20. Conduct of and Voting at Meetings of the General Meeting of Shareholders	23
Article 21. Passing of Resolutions of the General Meeting of Shareholders	25
Article 22. Authority and Procedures for Written Consultation of Shareholders in Passing Resolutions of the General Meeting of Shareholders	26
Article 23. Resolutions and Minutes of Meetings of the General Meeting of Shareholders	28
Article 24. Request for Annulment of Decisions of the General Meeting of Shareholders.....	29

CHAPTER VII	30
THE BOARD OF DIRECTORS.....	30
Article 25. Nomination and Proposal of Candidates for the Board of Directors.....	30
Article 26. Composition and Term of Office of Members of the Board of Directors.....	31
Article 27. Powers and Obligations of the Board of Directors	33
Article 28. Remuneration, Salary and Other Benefits of Members of the Board of Directors	36
Article 29. Chairman of the Board of Directors	37
Article 30. Meetings of the Board of Directors and Committees of the Board of Directors.....	38
Article 31. Office of the Board of Directors	42
Article 32. Corporate Governance Officer.....	42
Article 33. Audit Committee.....	43
CHAPTER VIII.....	45
THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS	45
Article 34. Organisation of the Management Apparatus.....	45
Article 35. Executive Officers of the Enterprise.....	45
Article 36. Appointment, Removal, Duties and Powers of the CEO.....	46
CHAPTER IX.....	48
RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS	48
Article 37. Duty of Care.....	48
Article 39. Liability for Damage and Indemnification.....	50
CHAPTER X	51
RIGHT TO INSPECT BOOKS AND RECORDS OF THE COMPANY	51
Article 40. Right to Inspect Books and Records	51
CHAPTER XI.....	51
EMPLOYEES AND THE TRADE UNION	51
Article 41. Employees and the Trade Union	51
CHAPTER XII	52
DISTRIBUTION OF PROFITS.....	52
Article 42. Distribution of Profits	52
CHAPTER XIII.....	52
BANK ACCOUNTS, RESERVE FUNDS, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING SYSTEM	52
Article 43. Bank Accounts	53
Article 44. Fiscal Year.....	53
Article 45. Accounting System	53
CHAPTER XIV	53
ANNUAL REPORT, FINANCIAL STATEMENTS AND INFORMATION-DISCLOSURE RESPONSIBILITY	53
Article 46. Annual, Semi-Annual and Quarterly Financial Statements.....	53
Article 47. Annual Report.....	54
CHAPTER XV.....	54
AUDIT OF THE COMPANY	54

Article 48. Audit	54
CHAPTER XVI	55
COMPANY SEAL.....	55
Article 49. Company Seal	55
CHAPTER XVII	55
TERMINATION OF OPERATIONS AND LIQUIDATION	55
Article 50. Termination of Operations	55
Article 51. Extension of Operations	55
Article 52. Liquidation	56
CHAPTER XVIII.....	56
RESOLUTION OF INTERNAL DISPUTES	56
Article 53. Resolution of Internal Disputes	56
CHAPTER XIX.....	57
SUPPLEMENTATION AND AMENDMENT OF THE CHARTER.....	57
Article 54. Company Charter.....	57
CHAPTER XX.....	57
EFFECTIVE DATE.....	57
Article 55. Effective Date.....	57

CHAPTER I
DEFINITIONS OF TERMS USED IN THIS CHARTER

Article 1. Interpretation of Terms

1. In this Charter, the following terms shall be construed as follows:
 - 1.1 "**Company**" means Vietravel Tourism Joint Stock Company.
 - 1.2 "**Charter Capital**" means the aggregate par value of shares already sold or registered to be purchased upon the establishment of the company, contributed by all shareholders, as stipulated in Article 6 of this Charter.
 - 1.3 "**Charter or Company Charter**" means the Charter on the organisation and operation of Vietravel Tourism Joint Stock Company.
 - 1.4 "**Date of Establishment**" means the date on which the Company was granted the Enterprise Registration Certificate for the first time.
 - 1.5 "**Law on Enterprises**" means Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly on 17 June 2020, together with any documents amending or supplementing such Law.
 - 1.6 "**Law**" means all legal normative documents promulgated by competent State authorities and currently in force.
 - 1.7 "**Shareholder**" means any individual or organisation holding at least one issued share of the Company and whose name is recorded in the Register of Shareholders of the Company.
 - 1.8 "**Manager**" means the Chairman of the Board of Directors, the members of the Board of Directors, the CEO, the Deputy General Directors, the Director of the Finance and Accounting Division, and the Chief Accountant of the Company.
 - 1.9 "**Authorised Representative**" means an individual authorised in writing by a Shareholder that is an organisation to exercise the shareholder rights of such organisation at the Company in accordance with the Law on Enterprises and this Charter.
 - 1.10 "**Proxy**" means an individual or organisation lawfully designated by a Shareholder or an Authorised Representative to attend and vote at a meeting of the General Meeting of Shareholders.
 - 1.11 "**Related Party**" means an individual or organisation as defined in Clause 23 of Article 4 of the Law on Enterprises 2020 and Clause 46 of Article 4 of the Law on Securities 2019.
 - 1.12 "**Competitor**" means any individual, organisation or enterprise — other than enterprises in which the Company has an investment, the level of which shall be specified in the Internal Regulations on Corporate Governance — which, directly or indirectly, carries on or participates in the production and trading of goods or the supply of services which are

identical to, similar to, or substitutable for the goods and services that the Company produces, supplies or otherwise deals in.

- 1.13 **"Acquirer"** means any of the following: (i) the representative of a Shareholder that is an organisation; or (ii) a Shareholder who is an individual, or the representative of such individual Shareholder, where such Shareholder (whether an organisation or an individual) intends to hold, or, together with Related Parties as defined in Article 1 of this Charter, intends to hold, 25% or more of the share capital of the Company.
- 1.14 **"Hostile Acquirer"** means a person whose purpose, motive or conduct is contrary to the interests of the Vietravel Company, who acts or intends to acquire shares or stock certificates by any means without making disclosure as required by law and by this Charter.
- 1.15 **"Vietnam"** means the Socialist Republic of Vietnam.
- 1.16 **"Share"** means the smallest equal portion of the Charter Capital, represented in the form of a stock certificate.
- 1.17 **"Revoked Shares"** means shares that an Employee has purchased pursuant to Article 48 of Decree No. 59/ND-CP/2011 but who has breached the restrictive conditions attached to this class of shares, and which are therefore recovered by the Company.
- 1.18 **"Repurchased Shares"** means shares which, in the course of the Company's business operations, the Company deems necessary to redeem in accordance with this Charter.
- 1.19 **"Stock Certificate"** means a certificate issued by the Company, a book entry, or electronic data, confirming the ownership of one or more shares of the Company.
- 1.20 **"Corporate Restructuring"** means the reorganisation of the Company's structure by redesigning its organisational chart and altering its functional divisions under new designations within the system.
- 1.21 **"Commitment Period"** means the period during which the Company's Employees commit to a specified number of years of service with the Company in order to purchase preferential additional shares under Clause 2 of Article 48 of Decree No. 59/ND-CP/2011.
- 1.22 **"Vietravel Brand"** means the name, term, symbol, or any combination of these elements, registered for protection under the Law on Intellectual Property of Vietnam and the international treaties to which Vietnam is a party. The Vietravel Brand and the other intellectual property rights of the Company constitute a special asset of the Vietravel Company.
- 1.23 **"Conversion of the Company Model"** means the transformation of the Company's corporate form in accordance with the Law on Enterprises, whereby the centralised management model of the Company (a joint stock company) shall be transformed into a corporate-group model comprising a parent company and subsidiaries, with a view to achieving management both in breadth and in depth, enhancing benefits, and mitigating risks.

- 1.24 **"Parent Company"**: a company shall be deemed the parent company of another company in any of the following circumstances:
- It holds more than 50% of the charter capital or the total ordinary shares of such other company;
 - It has the right, directly or indirectly, to appoint the majority of or all members of the Board of Directors, the Director, or the CEO of such other company;
 - It has the right to decide upon amendments to, or supplements of, the charter of such other company.
- 1.25 **"Non-executive Member of the Board of Directors"** means hereinafter referred to as a "non-executive member", means a member of the Board of Directors who is not the CEO, the Deputy General Director, the Chief Accountant, or any other executive officer as defined in this Charter.
- 1.26 **"Independent Member of the Board of Directors"** means hereinafter referred to as an "independent member", means a member as stipulated in Clause 2 of Article 155 of the Law on Enterprises.
- 1.27 **"Executive Officer of the Enterprise"** means the CEO, the Deputy General Directors, the Director of the Finance and Accounting Division, the Chief Accountant, and such other Senior Officers as may be designated by resolution of the Board of Directors.
- 1.28 **"Major Shareholder"** means a shareholder as defined in Clause 18 of Article 4 of the Law on Securities 2019.
- 1.29 **"Internal Person of the Company"** means:
- a) The Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, and the legal representative;
 - b) The CEO, Deputy General Directors, the Corporate Governance Officer, or persons holding equivalent management positions appointed by the General Meeting of Shareholders or by the Board of Directors; any other individual holding a management title empowered to execute the Company's transactions on behalf of the Company as provided for in the Company Charter;
 - c) The Director of the Finance and Accounting Division; the Chief Accountant;
 - d) The Chairman of the Audit Committee, members of the Audit Committee, members of the Internal Audit Board; the Corporate Secretary;
 - e) Any person authorised to disclose information.
2. In this Charter, any reference to any clause or document shall include any amendment, supplement or replacement thereof.
3. Headings (Chapters and Articles of this Charter) are used solely for ease of understanding and shall not affect the content of this Charter.

CHAPTER II
NAME, FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES,
TERM OF OPERATION, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE
COMPANY

Article 2. Name, Form, Head Office, Branches, Representative Offices, and Term of Operation of the Company

1. Name of the Company:
 - Full name in Vietnamese: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIETRAVEL.**
 - Transaction name in English: **VIETRAVEL TOURISM JOINT STOCK COMPANY.**
 - Abbreviated name in English: **VIETRAVEL.**

The Company is entitled to use its own name, flag, logo and seal in accordance with the laws currently in force.

2. The Company is a joint stock company possessing legal entity status in conformity with the laws of Vietnam currently in force.
3. The registered head office of the Company is:
 - Address: 190 Pasteur, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
 - Telephone: 028 3866 8999.
 - Fax: 028 3829 9142.
 - Email: info@vietravel.com.vn.
 - Website: <http://vietravel.com.vn>.
4. The Company may establish branches, representative offices and business locations to fulfil its operational objectives in accordance with resolutions of the Board of Directors and within the scope permitted by law.
5. Term of operation: Save for early termination pursuant to Clause 2 of Article 50 of this Charter, the term of operation of the Company shall commence on the Date of Establishment and shall be indefinite.

Article 3. Legal Representative

1. The Company shall have one (01) legal representative. The Chairman of the Board of Directors shall be the legal representative of the Company.
2. The legal representative shall represent the Company vis-à-vis third parties in exercising the rights and performing the obligations arising from the transactions of the Company, and shall exercise such other rights and perform such other obligations as are provided by law and by this Charter, including but not limited to the following:

- a. Representing Vietravel Tourism Joint Stock Company in opening accounts at banks and credit institutions within and outside Vietnam, and conducting transactions with such banks and credit institutions on behalf of the Company.
 - b. Representing the Company in its dealings with State agencies and with domestic and foreign organisations and individuals.
 - c. Representing the Company as a petitioner in civil matters, as a plaintiff, defendant, or person with related rights and obligations before arbitration bodies, courts, and in other proceedings.
 - d. Executing contracts, transactions, documents and instruments on behalf of the Company in all fields of the Company's business, arising between the Company and individuals, organisations, or State authorities.
 - e. Exercising such other rights and performing such other obligations as are prescribed by law and by the Charter and regulations of the Company.
3. The legal representative may sub-delegate to another person the performance of one or more of his or her duties in accordance with the law and the internal regulations of the Company.
 4. Responsibilities of the legal representative:
 - To exercise the rights granted and perform the obligations assigned in an honest, prudent and optimal manner so as to safeguard the lawful interests of the Company; to comply strictly with the law, the Charter and the regulations of the Company, and with the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.
 - To be loyal to the interests of the Company, not to make use of any information, trade secret, or business opportunity of the Company, and not to abuse his or her position or authority or make use of the Company's assets for personal gain or to serve the interests of any other organisation or individual.
 - To bear personal liability, as provided by law, for any damage caused to the enterprise as a result of the breach of the responsibilities set out above.
 5. The Company shall always ensure that at least one legal representative is resident in Vietnam. Where the legal representative departs from Vietnam, he or she must authorise in writing the CEO or another individual resident in Vietnam to exercise the rights and perform the obligations of the legal representative in accordance with law. The legal representative shall remain responsible for the performance of the rights and obligations so delegated.
 6. Where the Company has only one legal representative and such person is absent from Vietnam for more than 30 days without having granted authorisation, or where such person falls within any of the circumstances in which he or she cannot exercise the rights and perform the obligations required by law, the Board of Directors shall be responsible for appointing another person to act as the legal representative of the Company in accordance with the applicable regulations.

CHAPTER III

OBJECTIVES, SCOPE OF BUSINESS AND OPERATIONS OF THE COMPANY

Article 4. Objectives and Business Lines of the Company

1. Objectives of the Company:

The objective of the Company is to develop, on an ongoing basis, production, trading and service activities within its fields of business so as to maximise attainable profits for the Shareholders, to enhance the value of the Company, and to continuously improve the living standards, working conditions and income of its Employees, as well as to expand the Company. At the same time, the Company shall duly discharge its obligation to make contributions to the State budget.

2. Business lines of the Company:

Principal business line: Tour operators (Details: domestic and international travel business).

No.	Business line	Code
1	Tour operators. Details: domestic and international travel business.	7912 (main)
2	Other monetary intermediation activities. Details: foreign exchange agent; foreign currency receipt and payment services.	6419
3	Advertising. Details: commercial advertising.	7310
4	Wholesale of telecommunications equipment and parts. Details: sale and purchase of mobile phones and SIM cards.	4652
5	Wholesale of other household goods.	4649
6	Translation and interpretation services.	7430
7	Other support services incidental to transportation. Details: freight forwarding, loading and unloading and goods delivery agency on behalf of cargo owners; maritime agency and brokerage; air ticketing agency for airlines; sea-vessel agency services; activities of freight forwarding agents for marine and air transport; packaging and crating services for transportation.	5229
8	Rental of motor vehicles.	7710
9	Other educational support services. Details: overseas study consultancy.	8569
10	Road freight transport. Details: general freight transportation; other general freight transport; removal services (excluding liquefied-gas transport).	4933
11	Activities of sports clubs. Details: diving tourism (underwater sports activities).	9312
12	Other land passenger transport. Details: transport of tourists.	4932
13	Hotels and similar accommodation services. Details: hotels (star-rated and not operating at head office).	5510
14	Restaurants and mobile food service activities.	5610

No.	Business line	Code
15	Organisation of trade introductions and promotion (excluding activities in fields involving the use of explosives, flammable substances, or chemicals as props or instruments for cultural performances, films or photographs).	8230
16	Activities of insurance agents and brokers. Details: insurance-agent activities.	6622
17	Retail sale of information-technology and communications equipment. Details: retail of telephone top-up cards; retail of computers, peripheral devices, software, telecommunications equipment and audio-visual equipment.	4740
18	Other education not elsewhere classified. Details: foreign-language teaching; computer training.	8559
19	Construction of residential buildings.	4101
20	Construction of non-residential buildings.	4102
21	College-level training (not operating at head office).	8533
22	University-level training (not operating at head office).	8541
23	Support services directly related to water transport.	5222
24	Support services directly related to air transport. Details: provision of commercial, tourism, hotel and duty-free services at airport terminals; sale of advertising on board aircraft and on the ground; provision of ground technical-commercial services; services at passenger and cargo terminals and apron services at airports; supply of aircraft parts; other specialised aviation services.	5223
25	Support services directly related to road transport (excluding bus-terminal operations and liquefied-gas transport).	5225
26	Postal services.	5310
27	Courier services.	5320
28	Real estate business, and the right to use land belonging to an owner, user or lessee.	6810
29	Intermediary services for real-estate activities (excluding legal consultancy).	6821
30	Other real-estate activities on a fee or contract basis (excluding auction).	6829
31	Other creative arts activities (without fire or explosive effects, and with a commitment not to use explosives, flammable substances or chemicals as props for performances, events, films or photographs at the head office).	9019
32	Performing-arts activities (without fire or explosive effects, and with a commitment not to use explosives, flammable substances or chemicals as props for performances, events, films or photographs at the head office).	9020
33	Other tourism-related activities.	7990
34	Information-technology infrastructure, data processing, storage and related activities. Details: data-processing services and social-network services.	6310
35	Web portals and other information services. Details: e-commerce services; agency for postal and telecommunications services.	6390
36	Non-regular food service by contract with clients.	5621

No.	Business line	Code
37	Beverage-serving services. Includes: preparation and serving of beverages for on-premise consumption at bars, karaoke establishments, pubs, dance cafés (where beverage service predominates), beer halls, coffee shops, juice bars, dessert parlours, and other beverage services such as sugar-cane juice, smoothies, sweet-soup outlets and mobile beverage carts (excluding the operation of bars and dance-café).	5630
38	Other food-service activities.	5629
39	Wholesale of beverages.	4633
40	Wholesale of food products (not operating at head office).	4632
41	Retail of food products.	4722
42	Retail of beverages.	4723
43	Other recreational and entertainment activities. Details: other recreational and entertainment activities (excluding amusement parks and theme parks); operation of recreation areas and beaches, including rental of facilities such as bathhouses, lockers, chairs and umbrellas; operation of recreational-transport facilities (e.g. cruises); rental of leisure equipment as part of recreational facilities; fairs and exhibitions of recreational items; operation of dance halls (enterprises may conduct business only once the conditions required by law are satisfied and such conditions must continue to be met throughout operation); operation of karaoke rooms (enterprises may conduct business only once the conditions required by law are satisfied and such conditions must continue to be met throughout operation).	9329
44	Temporary labour supply.	7821
45	Intermediate-level training. Details: vocational training.	8532
46	Support services directly related to rail transport. Details: train-ticket agent.	5221
47	Agency, brokerage and auction of goods (excluding real-estate brokerage and the auction of assets).	4610
48	General wholesale.	4690
49	Retail of books, newspapers, magazines and stationery.	4761
50	Retail of sports equipment (excluding sporting firearms, ammunition and rudimentary weapons).	4762
51	Retail of games and toys (no trading in games harmful to the cultivation of personality or the health of children, or affecting public order and safety).	4763
52	Retail of clothing, footwear, and leather and imitation-leather goods.	4771
53	Retail of other new goods (excluding motor vehicles, motorcycles and their auxiliary parts). Details: retail of functional foods and multivitamins (excluding pharmaceuticals); retail of souvenirs and handicrafts; retail of telephone top-up cards; retail of watches, eyewear, cameras and photographic materials, pet food and accessories.	4773
54	Retail of pharmaceuticals, medical devices, cosmetics and hygiene articles.	4772
55	Retail of foodstuffs.	4721

No.	Business line	Code
56	Other business-support service activities not elsewhere classified.	8299
57	Other financial-service support activities not elsewhere classified. Details: investment consultancy (excluding financial, accounting and legal consultancy).	6619
58	Business-management and other management consultancy activities (excluding financial, accounting and legal consultancy).	7020
59	Other professional, scientific and technical activities not elsewhere classified. Details: personal strategy consultancy, asset-management consultancy for investment and immigration purposes under currently applicable law (excluding financial, accounting and legal consultancy); consultancy on the preparation of personal investment files and overseas immigration files and other related administrative support services (excluding the activities of independent journalists; honouring of bills of exchange and interest-rate information; securities consultancy).	7499
60	Spa and sauna services. Details: sauna, massage, sunbathing and non-surgical aesthetic services (fat-reduction, body-slimming, etc.) — enterprises may conduct business only once the conditions required by law are satisfied and such conditions must continue to be met throughout operation.	9623
61	Retail of other cultural and entertainment products not elsewhere classified.	4769
62	Retail intermediation services (excluding retail of LPG cylinders, liquefied petroleum gas, residual lubricants, gold bullion, hunting or sporting firearms and ammunition, and metallic currency; excluding chemical retail at the head office).	4790
63	Administrative and office-support activities. Details: visa-application services on a fee or contract basis (excluding legal consultancy, legal services and activities governed by the Law on Lawyers).	8210
64	Intermediary services for passenger transport.	5232
65	Intermediary services for freight transport.	5231
66	Warehousing and goods storage.	5011
67	Coastal and ocean passenger transport.	5210
68	Intermediary services for business-support activities not elsewhere classified (excluding financial intermediation). Details: intermediation services for stage events, sports events, and other entertainment events.	8240
69	Intermediary services for accommodation services. Details: room-booking and reservation services for accommodation.	5530
70	Retail of tobacco products (excluding electronic cigarettes).	4724
71	Wholesale of agricultural, forestry raw materials (excluding wood, bamboo and rattan) and live animals.	4620
72	Retail of household electrical appliances, beds, cabinets, tables, chairs and similar furniture, lamps and lighting fixtures, and other household goods not elsewhere classified.	4759
73	Retail of fabric, yarn, sewing thread and other textile goods.	4751

No.	Business line	Code
74	Retail of hardware, paint, glass, and other construction materials and installation equipment. Details: retail of gardening and landscape design equipment and tools; retail of sanitary equipment.	4752
75	Retail of carpets, mattresses, blankets, curtains, wall and floor coverings.	4753
76	Social network sites and other content distribution activities.	6039
77	Residential care activities for persons of merit, the elderly, and persons with disabilities unable to care for themselves. Details: activities relating to the care of the elderly and of persons unable to care for themselves.	8730
78	Intermediary services for centralised care activities.	8791
79	Other centralised care activities not elsewhere classified.	8799

The General Meeting of Shareholders hereby authorises the Board of Directors to carry out the procedures with the competent business-registration authority; to convene meetings and to execute dossiers, documents and papers relating to the supplementation or change of the Company's business lines.

Article 5. Scope of Business and Operations

1. The Company is entitled to plan and conduct all business activities listed in its Enterprise Registration Certificate and this Charter, in conformity with the laws currently in force, and to take such measures as are appropriate to achieve the objectives of the Company.
2. The Company may engage in business in other fields permitted by law and approved by the General Meeting of Shareholders.

CHAPTER IV CHARTER CAPITAL AND SHARES

Article 6. Charter Capital and Shares

1. The Company has no Founding Shareholders.
2. The Company has no State-owned capital.
3. Charter Capital:
 - Charter Capital of the joint stock company: VND 664,944,100,000 (Six hundred and six-four billion, nine hundred and forty- four million, one hundred thousand Vietnamese Dong).
 - Par value of each share: VND 10,000.
 - Number of shares: 66,494,410 shares.
4. The Charter Capital of the Company is the aggregate par value of all classes of shares already sold. The par value of each share is VND 10,000 (ten thousand Vietnamese Dong). The total

number of shares of the Company equals the Charter Capital divided by the par value per share.

5. The Company may vary its Charter Capital upon the approval of the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.
6. Upon the approval of the General Meeting of Shareholders, the Company may issue preferred shares in conformity with the provisions of law.
7. Ordinary shares shall be offered for sale on a priority basis to existing shareholders in proportion to their respective holdings of ordinary shares in the Company, save where the General Meeting of Shareholders resolves otherwise. Any shares not subscribed for by the shareholders shall be dealt with by the Board of Directors. The Board of Directors may allot such shares to such persons on such terms and by such means as it considers appropriate, provided that such shares shall not be sold on terms more favourable than those offered to the existing shareholders, save where the shares are sold through the Stock Exchange by way of auction.
8. The Company may issue other classes of securities upon the approval of the General Meeting of Shareholders and in conformity with the provisions of law.

Article 7. Stock Certificates

1. Stock certificates for ordinary shares of the Company shall contain the principal particulars required by the Law on Enterprises.
 - 1.1 As at the date of adoption of this Charter, all shares issued as at the date of adoption of the Company's first Charter are ordinary shares.
 - 1.2 The stock certificates of any other preferred shares (if any) of the Company shall further contain such particulars as are required by the Law on Enterprises.
2. A shareholder of the Company shall be issued with certificates or stock certificates corresponding to the number and class of shares held, save in the case stipulated in Clause 7 of Article 7 of this Charter.
3. Within two (02) months from the date of submission of a complete dossier requesting the transfer of share ownership in accordance with the Company's regulations, or within two (02) months (or such other period as may be stipulated in the issuance terms) from the date of full payment for the shares subscribed under the Company's share-issuance plan, the shareholder shall be issued with a stock certificate. No charge shall be levied on the shareholder for the printing of the stock certificate.
4. Where only some of the shares represented by a stock certificate are transferred, the original certificate shall be cancelled and a new certificate evidencing the remaining shares shall be issued free of charge.

5. Where a stock certificate is lost, damaged or otherwise destroyed, the Company shall re-issue the certificate upon the shareholder's request. The request of the shareholder shall contain the following particulars:

- a) Information regarding the stock certificate that has been lost, damaged or otherwise destroyed;
- b) An undertaking to bear liability for any dispute or loss arising from the re-issuance of the new stock certificate.

The shareholder shall surrender the original or damaged certificate, or furnish supporting evidence (in the case of loss, theft or destruction of the original certificate).

6. All forms of stock certificate, save where the applicable terms and conditions relating thereto provide otherwise, shall be issued bearing the seal and the specimen signature of the legal representative of the Company.

7. Within the framework of the Law on Enterprises and the laws on securities and the securities market, the Company may issue shares otherwise than in certificated form and may allow shares (whether issued in certificated form or otherwise) to be transferred without the need for a written instrument of transfer; or the Board of Directors may, from time to time, issue rules in substitution for the corresponding provisions of this Charter relating to stock certificates and the transfer of shares.

Article 8. Other Securities Certificates

Bond certificates and other securities certificates of the Company shall be issued bearing the signature of the legal representative and the seal of the Company.

Article 9. Transfer of Shares

1. The transfer of ordinary shares shall be carried out as follows:

1.1 Shares purchased by shareholders at preferential prices pursuant to Clause 1 of Article 48 of Decree No. 59/2011/ND-CP (formerly in force) may be freely transferred in accordance with the laws currently in force.

1.2 Shares whose commitment period for the restriction on transfer under Decree No. 59/2011/ND-CP and subsequent issuance plans of the Company has expired may be freely transferred in accordance with the laws currently in force.

1.3 The transfer of shares held by Shareholders being Employees who purchased shares under a long-term service commitment shall comply with Decree No. 59/2011/ND-CP and the documents guiding, amending or supplementing the said decree.

1.4 Shareholders who acquired shares through a public auction may freely transfer such shares in accordance with the laws currently in force.

1.5 The transfer of ordinary shares acquired by shareholders pursuant to issuance plans of the Company subsequent to the date on which the Company was granted its Enterprise

Registration Certificate (as a joint stock company) shall be carried out in accordance with the issuance plan concerned and the laws currently in force.

2. Save for shares held by shareholders as referred to in sub-clauses 1.1, 1.2 and 1.4 of this clause, any transfer of shares referred to in sub-clause 1.3 of this clause prior to the expiry of the commitment period under Decree No. 59/2011/ND-CP (formerly in force) shall be made back to the Company.
 - 2.1 Order and procedures for transfer: in accordance with Clause 3 of this Article.
 - 2.2 Transfer prices: In respect of shares additionally purchased by Employees pursuant to the long-term service commitment, such shares shall be transferred back to the Company at the market price, but not exceeding the price at which such shares were purchased at the time of the Company's equitisation.
3. All freely transferable ordinary shares shall be transferred in accordance with the currently applicable Law on Securities: listed shares shall be transferred through the Stock Exchange in accordance with the regulations and rules of the State Securities Commission and of the Stock Exchange. In respect of shares that are not yet listed or registered on the UPCoM market, the transfer procedures shall be carried out in accordance with Decision No. 56/QD-UBCK dated 31 January 2013 of the State Securities Commission.
4. An Employee holding shares purchased in addition under point (a) of Clause 2 of Article 48 of Decree No. 59/2011/ND-CP dated 18 July 2011 (formerly in force) shall have the rights of a shareholder as provided by law and by this Charter. Shares of this class may be transferred only upon the expiry of the commitment period. The conversion of such shares into ordinary shares shall comply with point (d) of Clause 2 of Article 48 of Decree No. 59/2011/ND-CP dated 18 July 2011 and the documents guiding, amending or supplementing the said decree.
5. Where a corporate restructuring results in the termination of an Employee's employment contract — whether by resignation, redundancy or otherwise under the Labour Code — prior to the expiry of the committed term, the additional shares purchased shall be converted into ordinary shares. In such a case, where the Employee wishes to sell such shares back to the enterprise, the Company shall be obliged to purchase them at the market average price prevailing at the time of transfer.
6. Shares that have not been paid for in full may not be transferred, and shall not entitle the holder to the corresponding benefits, including the right to receive dividends, the right to receive shares issued to increase the share capital out of the owners' equity, the right to subscribe for newly issued shares, and other rights as provided by law. The Board of Directors shall be entitled to refuse to register any such transfer.

7. In the event of the death of a Shareholder, the heirs or administrators of the deceased shall be the sole person or persons recognised by the Company as having any right to, or interest in, the shares; however, this shall not be construed as releasing the estate of the deceased Shareholder from any liability attaching to any shares which he or she held.

Where there is a dispute as to inheritance, the voting rights shall be suspended, and the effective decision of the court or competent State authority shall be accepted by the Company as the basis for determining shareholder status, together with the full rights and obligations provided by this Charter and by law.

Article 10. Compulsory Redemption of Shares

1. Where the Company detects that additional shares purchased under points (a) and (c) of Clause 2 of Article 48 of Decree No. 59/2011/ND-CP dated 18 July 2011 have been transferred before the expiry of the commitment period, the Board of Directors shall have full authority to enforce the redemption of such shares at a price commensurate with the market price, but not exceeding the price at which such shares were purchased at the time of equitisation. Shares so redeemed shall be dealt with in accordance with Article 36 of the Law on Securities 2019.
2. Other cases of redemption of shares shall be carried out in accordance with law, the shareholders' undertakings, and the terms of the share-issuance plan applicable at the time of issuance.

CHAPTER V ORGANISATIONAL AND GOVERNANCE STRUCTURE

Article 11. Organisational and Governance Structure

The organisational and governance structure of the Company shall comprise:

1. The General Meeting of Shareholders;
2. The Board of Directors;
3. The Audit Committee, operating under the Board of Directors;
4. The CEO.

CHAPTER VI SHAREHOLDERS AND THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 12. Rights of Shareholders

1. A Shareholder is an individual or organisation holding at least one share of the Company, having the rights and obligations corresponding to the number and class of shares held.

Shareholders are liable for the debts and other property obligations of the Company only to the extent of the shares they hold.

2. An ordinary shareholder has the following rights:
 - 2.1 To attend and speak at meetings of the General Meeting of Shareholders, and to exercise the right to vote directly or through an authorised representative, or by such other means as are provided for in this Charter; each ordinary share shall carry one vote;
 - 2.2 To receive dividends at the level resolved by the General Meeting of Shareholders;
 - 2.3 To be offered, on a priority basis, the right to subscribe for new shares in proportion to his or her holding of ordinary shares in the Company;
 - 2.4 To freely transfer his or her shares to other shareholders or to non-shareholders in accordance with Article 9 of this Charter;
 - 2.5 To inspect, consult and extract information from the list of voting shareholders, and to request the correction of any inaccurate information relating to himself or herself;
 - 2.6 To inspect, consult, extract or copy the Charter of the Company, the minute book of meetings of the General Meeting of Shareholders and the resolutions of the General Meeting of Shareholders;
 - 2.7 In the event of dissolution or bankruptcy of the Company, to receive a portion of the remaining assets proportionate to his or her shareholding, after the Company has discharged its debts (including obligations to the State, taxes and fees) and paid off the holders of other classes of shares in accordance with law;
 - 2.8 To require the Company to redeem his or her shares in the cases stipulated in Article 132 of the Law on Enterprises; and such other rights as are provided by this Charter and by law;
 - 2.9 Such other rights as are provided by the Law on Enterprises and by the Company Charter.
3. A Shareholder or group of Shareholders holding 5% or more of the total ordinary shares shall have the following rights:
 - a) To request the Board of Directors to convene a meeting of the General Meeting of Shareholders in accordance with Clause 3 of Article 115 and Article 140 of the Law on Enterprises;
 - b) To inspect, consult and extract the minute book and the resolutions and decisions of the Board of Directors, the mid-year and annual financial statements, contracts and transactions that require approval by the Board of Directors and other documents, save for documents relating to the trade or business secrets of the Company;
 - c) To request the Board of Directors to examine any specific matter relating to the management or operation of the Company whenever considered necessary. Such a request shall be made in writing and shall contain the following: full name, contact address, nationality, and legal

identification number of each individual shareholder; the name, enterprise identification number or legal identification number, and address of the head office of each institutional shareholder; the number of shares held and date of registration by each shareholder, the total number of shares held by the group and the percentage thereof in the total shares of the Company; the matters to be examined and the purpose of the examination. In such a case, the examination shall be carried out directly by the Audit Committee and reported to the Board of Directors;

- d) To propose items for the agenda of a meeting of the General Meeting of Shareholders. The proposal shall be made in writing and shall be sent to the Company at least three (03) working days prior to the opening date of the meeting, unless otherwise provided in the Charter of the Company. The proposal shall state the name of the Shareholder, the number of each class of shares held, and the matter proposed for the agenda;
 - e) Such other rights as are provided by law and by this Charter.
4. A Shareholder or group of Shareholders holding 10% or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates for election to the Board of Directors. Such nominations shall be made as follows:
- a) Ordinary shareholders who form a group to nominate candidates for the Board of Directors shall give notice of the group meeting to the shareholders attending the General Meeting of Shareholders prior to the opening of the General Meeting of Shareholders;
 - b) Based on the number of members of the Board of Directors, a shareholder or group of shareholders as referred to in this clause shall be entitled to nominate one or more candidates, as determined by the General Meeting of Shareholders. Where the number of candidates nominated by the shareholder or group of shareholders is less than the number they are entitled to nominate by resolution of the General Meeting of Shareholders, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors and by other shareholders.

Article 13. Obligations of Shareholders

1. Shareholders shall have the following obligations:
 - 1.1 To comply with this Charter and the internal rules of the Company; with the decisions of the Board of Directors and the resolutions of the General Meeting of Shareholders;
 - 1.2 To pay the subscription price for the shares subscribed in accordance with the prescribed procedures; to bear liability for the debts and other property obligations of the Company to the extent of the shares held in the Company. Shareholders may not withdraw ordinary-share capital contributed to the Company in any form, save where the shares are purchased by the Company or by another person;
 - 1.3 To provide the address of permanent or long-term residence (where there are two or more residential addresses) upon registration of subscription for shares;

- 1.4 To discharge such other obligations as are provided by law;
- 1.5 To bear personal liability where, acting on behalf of the Company in any form, he or she commits any of the following acts:
 - 1.5.1 Violation of law;
 - 1.5.2 Carrying on business or other transactions for personal gain or to serve the interests of another organisation or individual;
 - 1.5.3 Discharging debts before they fall due when the Company is facing financial risk.
2. Reporting on the holdings of Major Shareholders:
 - 2.1 A Major Shareholder is a Shareholder who directly or indirectly holds 5% or more of the Company's voting shares. Any organisation or individual becoming a Major Shareholder of the Company shall notify the Company, the State Securities Commission, and the Stock Exchange on which the Company's shares are listed, within seven (07) days from the date on which such person became a Major Shareholder.
 - 2.2 The report on the holdings of a Major Shareholder shall contain the following particulars:
 - 2.2.1 The name, address, and business lines of the Major Shareholder where the Major Shareholder is an organisation; the full name, age, nationality, place of residence and occupation, where the Major Shareholder is an individual; such shareholders shall evidence the source of funds upon registration to subscribe for shares.
 - 2.2.2 The number and percentage of shares held by the Shareholder, or held jointly by the Shareholder with other organisations or individuals, relative to the total outstanding shares.
 - 2.3 Where there is a significant change in the information set out in the report as specified in paragraph 2.2 above, or where the number of shares held changes by more than 1% of the outstanding shares of the same class, the Major Shareholder shall, within seven (07) days of such change, submit a supplementary or amended report to the Company, the State Securities Commission, and the Stock Exchange on which the Company's shares are listed.
 - 2.4 The provisions of sub-clauses 2.1, 2.2 and 2.3 above shall also apply to a group of Related Parties holding 5% or more of the Company's voting shares.

Article 14. The General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders is the highest decision-making body of the Company. The annual General Meeting of Shareholders shall be convened once (01) every year. The annual General Meeting of Shareholders shall be held within four (04) months from the end of the fiscal year.
2. The Board of Directors shall convene the annual General Meeting of Shareholders and select an appropriate venue. The annual General Meeting of Shareholders shall resolve on such matters as are prescribed by law and by the Charter of the Company, and in particular shall approve the audited annual financial statements. Where the audit report on the annual

financial statements of the Company contains material qualifications, an adverse opinion or a disclaimer of opinion, the Company shall invite a representative of the approved audit firm which audited the financial statements to attend the annual General Meeting of Shareholders, and the representative of such approved audit firm shall be under an obligation to attend the Company's annual General Meeting of Shareholders.

3. The Board of Directors shall convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following circumstances:

3.1 Where the Board of Directors considers it necessary in the interests of the Company;

3.2 Where the number of remaining members of the Board of Directors is less than the minimum number prescribed by law;

3.3 Where a Shareholder or group of Shareholders as referred to in Clause 3 of Article 12 of this Charter requests the convening of a General Meeting of Shareholders. The request to convene a General Meeting of Shareholders shall be made in writing, stating the reasons for and purpose of the meeting, and bearing the signatures of the Shareholders concerned, or several copies of the request may be prepared and the required signatures collected across them; the Shareholder or group of Shareholders shall bear full liability under law for the accuracy and truthfulness of the documents and evidence provided to the competent authority in support of the request to convene a General Meeting of Shareholders;

3.4 Where an independent member of the Board of Directors requests a meeting on reasonable grounds that the members of the Board of Directors or other Senior Officers have seriously breached their obligations under Article 165 of the Law on Enterprises, or that the Board of Directors has acted or intends to act beyond the scope of its authority;

3.5 Such other circumstances as are provided by law and by this Charter.

4. Convening of an extraordinary General Meeting of Shareholders:

4.1 The Board of Directors shall convene a General Meeting of Shareholders within thirty (30) days from the date on which the number of remaining members of the Board of Directors falls below the threshold referred to in sub-clause 3.2 of this Article, or from the receipt of the request referred to in sub-clauses 3.3 and 3.4 of this Article.

4.2 Where the Board of Directors fails to convene a General Meeting of Shareholders as provided in sub-clause 4.1 of this Article, the independent members of the Board of Directors shall, within the next thirty (30) days, convene a General Meeting of Shareholders in substitution for the Board of Directors in accordance with Article 140 of the Law on Enterprises.

4.3 Where the independent members of the Board of Directors fail to convene a General Meeting of Shareholders as provided in sub-clause 4.2 of this Article, the Shareholder or group of Shareholders making the request referred to in sub-clause 3.3 of this Article shall, within the next thirty (30) days, have the right to convene a General Meeting of Shareholders in

substitution for the Board of Directors in accordance with Clause 4 of Article 140 of the Law on Enterprises.

All costs of convening and conducting a General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company. Such costs do not include expenses incurred by shareholders in attending the General Meeting of Shareholders, including accommodation and travel expenses.

Article 15. Powers and Responsibilities of the General Meeting of Shareholders

The General Meeting of Shareholders shall deliberate and resolve on the following matters:

1. Approval of the development orientation of the Company;
2. The annual business plan of the Company;
3. The audited annual financial statements;
4. The report of the Board of Directors on the governance and performance of the Board of Directors and of each individual member thereof; where the Company operates under the model referred to in point (b) of Clause 1 of Article 137 of the Law on Enterprises, the independent members of the Board of Directors shall be responsible for reporting at the annual General Meeting of Shareholders in accordance with Article 284 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 of the Government detailing certain provisions of the Law on Securities;
5. The dividend rate for each class of shares;
6. The number of members of the Board of Directors; the election, removal and dismissal of members of the Board of Directors;
7. The budget or total remuneration, bonuses and other benefits payable to the Board of Directors;
8. Approval of the list of approved audit firms; selection of the approved audit firm to audit the Company's operations when deemed necessary;
9. Amendment and supplementation of the Charter of the Company;
10. The classes of shares and total number of shares of each class authorised to be offered, and the transfer of shares by founding members within the first three years from the date of incorporation;
11. The division, split-up, consolidation, merger or conversion of the Company;
12. The reorganisation and dissolution (liquidation) of the Company, and the appointment of the liquidator;
13. The decision to invest in or to sell assets of a value equal to or exceeding 50% of the total assets recorded in the most recent financial statements of the Company;
14. The decision to redeem more than 10% of the total shares of each class sold;

15. Contracts and transactions with the persons specified in Clause 1 of Article 167 of the Law on Enterprises of a value equal to or exceeding 35% of the total assets recorded in the most recent financial statements of the Company;
16. Approval of the transactions specified in Clause 4 of Article 293 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 of the Government detailing certain provisions of the Law on Securities;
17. Approval of the Internal Regulations on Corporate Governance and the Rules of Operation of the Board of Directors;
18. Such other matters as are provided by law and by this Charter.

Article 16. Authorised Representation

1. Shareholders entitled by law to attend a meeting of the General Meeting of Shareholders may authorise an individual or an organisation to attend on their behalf. Where there is more than one authorised representative, the number of shares and number of votes to be assigned to each representative shall be specifically determined.
2. The authorisation of a representative to attend a meeting of the General Meeting of Shareholders shall be made in writing in the form prescribed by the Company, and shall bear signatures as follows:
 - 2.1 Where the principal is an individual shareholder, the power of attorney shall bear the signatures of that shareholder and of the individual, or of the legal representative of the organisation authorised to attend the meeting;
 - 2.2 Where the principal is an institutional shareholder, the power of attorney shall bear the signatures of the authorised representative, of the legal representative of the institutional shareholder, and of the individual or of the legal representative of the organisation authorised to attend the meeting;
 - 2.3 In other cases, the power of attorney shall bear the signatures of the legal representative of the shareholder and of the authorised representative.

A person authorised to attend the General Meeting of Shareholders shall submit the power of attorney at the time of registration for the meeting, before entering the meeting room.
3. A Shareholder shall be deemed to have attended and voted at the General Meeting of Shareholders in any of the following circumstances:
 - Attending and voting directly at the meeting;
 - Authorising another individual or organisation to attend and vote at the meeting;
 - Attending and voting through an online conference, electronic ballot, or another electronic means;
 - Sending the ballot to the meeting by post, facsimile, or electronic mail.

4. Where a lawyer signs the instrument designating a representative on behalf of the principal, such designation shall be effective only where the designation is presented together with the power of attorney granted to the lawyer (where the latter has not previously been registered with the Company).
5. Save as provided in Clause 4 of this Article, the vote of a proxy attending within the scope of the authorisation shall remain effective notwithstanding the occurrence of any of the following events:
 - 5.1 The principal has died, or has been restricted in or deprived of civil-act capacity;
 - 5.2 The principal has revoked the designation of the proxy;
 - 5.3 The principal has revoked the authority of the person executing the authorisation.

This clause shall not apply where the Company receives notice of any such event before the opening of the meeting of the General Meeting of Shareholders, or before the meeting is reconvened.

Article 17. Variation of Rights

1. Any variation or cancellation of the special rights attaching to a class of preferred shares shall take effect only where approved by shareholders representing at least 65% of the total votes of all shareholders attending and voting at the meeting. A resolution of the General Meeting of Shareholders that adversely varies the rights and obligations of holders of preferred shares shall be passed only where approved by preferred shareholders of the class concerned attending the meeting and holding at least 75% of the total preferred shares of that class, or, where the resolution is passed in writing, by preferred shareholders of the class concerned holding at least 75% of the total preferred shares of that class.
2. The procedures for the conducting of such separate meetings shall be the same as those provided in Articles 18, 19, 20 and 21 of this Charter.
3. Save as otherwise provided in the terms of issue, the special rights attaching to classes of shares with preferred rights in respect of some or all of the matters relating to the distribution of profits or assets of the Company shall not be varied by reason of the Company issuing further shares of the same class.

Article 18. Convening, Agenda and Notice of Meetings of the General Meeting of Shareholders

1. The convener of a General Meeting of Shareholders shall disclose information regarding the preparation of the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders not less than twenty (20) days before the last registration date, and shall carry out the following:
 - 1.1 Prepare the list of shareholders eligible to attend and vote at the meeting of the General Meeting of Shareholders. The list of shareholders entitled to attend the meeting of the

General Meeting of Shareholders shall be prepared not more than ten (10) days before the date of dispatch of the notice convening the General Meeting of Shareholders.

- 1.2 Prepare the agenda and content of the meeting;
- 1.3 Prepare the materials for the meeting;
- 1.4 Draft the resolutions of the General Meeting of Shareholders in accordance with the intended agenda of the meeting;
- 1.5 Determine the time and venue for the meeting;
- 1.6 Dispatch the notice convening the General Meeting of Shareholders to all shareholders entitled to attend;
- 1.7 Other work in support of the meeting.
2. The notice convening the General Meeting of Shareholders shall be sent to all shareholders by a means which ensures that it reaches the shareholder's contact address, and shall be posted on the website of the Company and of the State Securities Commission, and the Stock Exchange on which the Company's shares are listed or registered for trading. The convener of the General Meeting of Shareholders shall dispatch the notice convening the meeting to all shareholders named in the list of shareholders entitled to attend not less than twenty-one (21) days before the opening date of the meeting (counted from the date on which the notice is duly dispatched). The agenda of the meeting and materials relating to the matters to be voted upon shall be sent to the shareholders or posted on the Company's website. Where the materials are not enclosed with the notice, the notice shall specify the link to the complete meeting materials to enable shareholders to access the following:
 - 2.1 The agenda and materials to be used at the meeting;
 - 2.2 The list and detailed information of candidates in the case of the election of members of the Board of Directors;
 - 2.3 The voting card/ballot;
 - 2.4 The form for the designation of an authorised representative to attend the meeting;
 - 2.5 The draft resolution on each item of the agenda.
3. A Shareholder or group of Shareholders as referred to in Clause 3 of Article 12 of this Charter shall have the right to propose items for inclusion on the agenda of the General Meeting of Shareholders. Any such proposal shall be made in writing and shall be sent to the Company at least three (03) working days before the opening date of the General Meeting of Shareholders. The proposal shall contain the full name of the shareholder, address of permanent residence, nationality, and citizen identification number, identity-card number, passport or other lawful personal identification of each individual shareholder; the name, enterprise identification number or incorporation decision number, and registered head-

office address of each institutional shareholder; the number and class of shares held; and the content of the proposal.

4. The convener of a General Meeting of Shareholders may refuse the proposal referred to in Clause 3 of this Article in any of the following circumstances:
 - 4.1 The proposal is sent out of time or is incomplete or does not meet the required content;
 - 4.2 At the time of the proposal, the shareholder or group of shareholders does not hold 5% or more of the ordinary shares as provided in Clause 3 of Article 12 of this Charter;
 - 4.3 The matter proposed falls outside the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders;
 - 4.4 Such other circumstances as are provided by law and by this Charter.

Article 19. Conditions for Conducting a Meeting of the General Meeting of Shareholders

1. A meeting of the General Meeting of Shareholders shall be conducted where the shareholders present represent more than 50% of the total voting shares.
2. Where the required quorum is not met within thirty (30) minutes from the time set for the opening of the meeting, the convener shall cancel the meeting. The meeting of the General Meeting of Shareholders shall be reconvened within thirty (30) days from the date initially set for the first meeting. A meeting reconvened on the second occasion may be held where the shareholders present represent at least 33% of the total voting shares.
3. Where the second meeting cannot be held because the required quorum is not met within thirty (30) minutes from the time set for the opening of the meeting, a third meeting may be convened within twenty (20) days from the date scheduled for the second meeting. In such case, the meeting shall be conducted irrespective of the total number of voting shares held by the shareholders present, and shall be deemed to have been duly held and to have authority to decide on all matters intended to be approved at the first meeting of the General Meeting of Shareholders.

Article 20. Conduct of and Voting at Meetings of the General Meeting of Shareholders

1. Prior to the opening of the meeting, the Company shall carry out the procedure for registering shareholders and shall continue such registration until all voting shareholders present have been registered.

Upon registration, the Company shall issue to each voting shareholder or authorised representative a voting card/ballot bearing the registration number, the full name of the shareholder, the full name of the authorised representative, and the number of votes of the shareholder concerned. During the vote at the meeting, voting cards/ballots in favour of a resolution shall be collected first, followed by those against; finally, the total number of cards/ballots in favour and against shall be counted to determine the decision. The total

number of cards/ballots in favour, against, abstentions or invalid on each matter shall be announced by the Chairperson immediately after the voting on that matter. The meeting shall elect those responsible for counting or supervising the counting of votes on the motion of the Chairperson. The number of members of the vote-counting board shall be determined by the General Meeting of Shareholders on the motion of the Chairperson of the meeting.

2. The Chairperson, Secretary and Vote-Counting Board of the meeting of the General Meeting of Shareholders shall be determined as follows:
 - 2.1 A meeting of the General Meeting of Shareholders shall be chaired by the Chairman of the Board of Directors; where the Chairman is absent or temporarily incapacitated, the remaining members of the Board of Directors shall elect one of their number as Chairperson of the meeting by majority vote; where no Chairperson can be so elected, the independent members of the Board of Directors shall direct the General Meeting of Shareholders in the election of the Chairperson of the meeting, and the person receiving the highest number of votes shall be the Chairperson. Where the Chairperson is elected, the name of the candidate and the number of votes received shall be announced.
 - 2.2 In other cases, the person signing the notice convening the General Meeting of Shareholders shall direct the General Meeting of Shareholders in the election of the Chairperson of the meeting, and the person receiving the highest number of votes shall be the Chairperson.
 - 2.3 The Chairperson shall appoint one or more persons to act as Secretary and to take the minutes of the meeting of the General Meeting of Shareholders.
 - 2.4 The General Meeting of Shareholders shall elect the Vote-Counting Board on the motion of the Chairperson.
3. The agenda and content of the meeting shall be approved by the General Meeting of Shareholders at the opening session. The agenda shall clearly specify the time allotted to each item on the agenda.
4. The Chairperson of a meeting of the General Meeting of Shareholders shall be entitled to take such measures as are necessary to conduct the meeting in an orderly manner, in accordance with the approved agenda, and reflecting the wishes of the majority of those present.
5. Shareholders or authorised representatives arriving after the opening of the meeting shall have the right to register forthwith and, thereafter, to participate and vote at the meeting from the moment of registration. The Chairperson shall not be required to suspend the meeting to allow for the registration of late arrivals, and the validity of any vote previously taken shall not be affected.
6. The convener of the General Meeting of Shareholders shall have the right to:
 - 6.1 Require all attendees to submit to security checks or other lawful security measures;

- 6.2 Request the competent authority to maintain order at the meeting; and to remove from the meeting any person who fails to comply with the directions of the Chairperson, intentionally disrupts the proceedings, obstructs the normal conduct of the meeting, or fails to comply with security-check requirements.
7. The Chairperson shall have the right to postpone a meeting of the General Meeting of Shareholders, for which the requisite registration has been completed, to another time or venue in any of the following circumstances:
- The venue of the meeting lacks sufficient seating for all attendees;
 - The communication facilities at the venue do not permit the attending shareholders to participate, deliberate and vote;
 - An attendee engages in conduct which obstructs or disrupts the proceedings, such that the meeting cannot be conducted in a fair and lawful manner.
- The maximum period of postponement shall not exceed three (03) working days from the date scheduled for the opening of the meeting.
8. Where the Chairperson postpones or adjourns a meeting of the General Meeting of Shareholders contrary to the provisions of Clause 7 of this Article, the General Meeting of Shareholders shall elect another person from among the attendees to replace the Chairperson and preside over the meeting until its conclusion, and the validity of any vote taken at such meeting shall not be affected.
9. The Company shall, each year, convene at least one (01) General Meeting of Shareholders. The annual General Meeting of Shareholders may not be held by way of written consultation of shareholders.
10. The Company or the convener of the General Meeting of Shareholders shall have the right to hold the General Meeting of Shareholders online, by electronic ballot, or by a combination of traditional and online means with electronic balloting. The processes and procedures for conducting online meetings and electronic balloting at the General Meeting of Shareholders shall be carried out in accordance with law, the Internal Regulations on Corporate Governance, and the Rules of the Company guiding the holding of online General Meetings of Shareholders and the conduct of electronic balloting.

Article 21. Passing of Resolutions of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders shall pass resolutions falling within its competence as prescribed in Article 15 of this Charter by way of voting at a meeting or by written consultation.
2. A resolution of the General Meeting of Shareholders shall be passed at a meeting if the following conditions are met:

- 2.1 Resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be passed where they are approved by shareholders holding more than 50% of the total votes of all shareholders attending and voting at the meeting, save for the cases referred to in sub-clauses 2.2, Clauses 3 and 4 of this Article, and Clause 1 of Article 17 of this Charter.
- 2.2 Resolutions of the General Meeting of Shareholders relating to: a change in business lines or sectors; the classes of shares and total number of shares of each class; a change in the organisational management structure of the Company; the reorganisation or dissolution of the Company; investment projects or the sale of assets of a value equal to or exceeding 50% of the total assets recorded in the most recent financial statements of the Company; and such other transactions and matters as are stipulated in this Charter (if any) shall be passed where approved by shareholders representing at least 65% of the total votes of all shareholders attending the meeting.
- 2.3 Where a resolution is passed by way of written consultation, the resolution of the General Meeting of Shareholders shall be passed where approved by shareholders holding more than 50% of the total voting shares.
3. The election of members of the Board of Directors shall be carried out in accordance with Clause 3 of Article 148 of the Law on Enterprises.
4. A resolution of the General Meeting of Shareholders passed with 100% of the total voting shares shall be lawful and effective notwithstanding that the order and procedures for its passing were not strictly observed.
5. Resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be notified to shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders within fifteen (15) days from the date of passing. The dispatch of the resolution may be replaced by its posting on the Company's website.

Article 22. Authority and Procedures for Written Consultation of Shareholders in Passing Resolutions of the General Meeting of Shareholders

The authority and procedures for written consultation of shareholders in passing resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be as follows:

1. The Board of Directors shall be entitled to consult shareholders in writing to pass resolutions of the General Meeting of Shareholders at any time it considers it necessary in the interests of the Company, including in respect of the matters specified in Clause 2 of Article 147 of the Law on Enterprises.
2. The Board of Directors shall be entitled to conduct the written consultation of the General Meeting of Shareholders by way of electronic balloting. The processes and procedures for the written consultation of the General Meeting of Shareholders by way of electronic balloting shall be carried out in accordance with law, the Internal Regulations on Corporate Governance, and the Rules of the Company on electronic balloting.

3. The Board of Directors shall prepare the consultation form, the draft resolution of the General Meeting of Shareholders and the explanatory materials relating thereto, and shall dispatch them to all voting shareholders not less than ten (10) days before the deadline for the return of the consultation form. The preparation of the list of shareholders to whom the consultation form is to be dispatched shall be carried out in accordance with Clauses 1 and 2 of Article 141 of the Law on Enterprises. The requirements and manner of dispatch of the consultation form and accompanying materials shall be as provided in Clauses 2, 3 and 4 of Article 143 of the Law on Enterprises.
4. The consultation form shall contain the following principal particulars:
 - 4.1 The name, address of the head office, and enterprise identification number;
 - 4.2 The purpose of the consultation;
 - 4.3 The full name, address of permanent residence, nationality, and citizen identification number, identity-card number, passport or other lawful personal identification of each individual shareholder; the name, enterprise identification number or establishment decision number, and registered head-office address of each institutional shareholder; or the full name, address of permanent residence, nationality, and citizen identification number, identity-card number, passport or other lawful personal identification of the authorised representative of each institutional shareholder; and the number of each class of shares and number of votes of the shareholder;
 - 4.4 The matters on which consultation is sought for the purpose of passing a decision;
 - 4.5 The voting options, comprising in favour, against, and abstain, for each matter on which consultation is sought;
 - 4.6 The deadline by which the completed consultation form must be returned to the Company;
 - 4.7 The full name and signature of the Chairman of the Board of Directors.
5. A completed consultation form shall bear the signature of the individual shareholder, of the authorised representative, or of the legal representative of the institutional shareholder. A shareholder may return the completed consultation form to the Company by one of the following means:
 - 5.1 By post. Consultation forms returned to the Company by post shall be sealed in an envelope which no person may open before the vote count;
 - 5.2 By facsimile or electronic mail. Consultation forms returned to the Company by facsimile or electronic mail shall be kept confidential until the time of the vote count.

Consultation forms returned to the Company after the deadline specified in the consultation form, or which have been opened before the vote count in the case of return by post, or which have been disclosed in the case of return by facsimile or electronic mail, shall be invalid. Consultation forms not returned shall be deemed not to have participated in the vote.

6. The Board of Directors shall conduct the vote count and prepare a vote-counting minutes under the witness of shareholders not holding managerial positions in the Company. The vote-counting minutes shall contain the following principal particulars:
 - 6.1 The name, address of the head office, number and date of issue of the Business Registration Certificate, and place of business registration;
 - 6.2 The purpose and matters submitted for consultation to pass a decision;
 - 6.3 The number of shareholders and total number of votes participating in the vote, distinguishing the number of valid and invalid votes, together with an annexed list of shareholders who participated in the vote;
 - 6.4 The total number of votes in favour, against and abstaining on each matter;
 - 6.5 The decisions passed and the corresponding voting percentages;
 - 6.6 The full names and signatures of the Chairman of the Board of Directors, the vote counter and the person supervising the vote count.

The members of the Board of Directors, the vote counter and the person supervising the vote count shall be jointly liable for the truthfulness and accuracy of the vote-counting minutes, and shall be jointly liable for any damage arising from decisions passed on the basis of an untruthful or inaccurate vote count.

7. The vote-counting minutes shall be posted on the Company's website within twenty-four (24) hours, or sent to all shareholders within fifteen (15) days from the end of the vote count.
8. The completed consultation forms, vote-counting minutes, full text of the resolution passed, and related documents sent together with the consultation form shall all be kept at the head office of the Company.
9. A resolution passed by written consultation of shareholders shall have the same validity as a resolution passed at a meeting of the General Meeting of Shareholders.

Article 23. Resolutions and Minutes of Meetings of the General Meeting of Shareholders

1. A meeting of the General Meeting of Shareholders shall be minuted and may be recorded on audio or stored in electronic form. The minutes shall be prepared in Vietnamese, may also be prepared in a foreign language, and shall contain the following principal particulars:
 - a) The name, address of the head office, and enterprise identification number;
 - b) The time and venue of the General Meeting of Shareholders;
 - c) The agenda and content of the meeting;
 - d) The full names of the Chairperson and Secretary;
 - e) A summary of the proceedings of the meeting and the views expressed at the General Meeting of Shareholders on each item of the agenda;

- f) The number of shareholders and total number of votes of the shareholders present, together with the annex containing the list of registered shareholders and representatives, with the corresponding number of shares and votes;
 - g) The total number of votes on each matter voted upon, specifying the manner of voting, the total number of valid and invalid votes, in favour, against and abstaining, and the corresponding percentages over the total votes of the shareholders present;
 - h) The matters passed and the corresponding voting percentages;
 - i) The full names and signatures of the Chairperson and Secretary. Where the Chairperson or Secretary refuses to sign the minutes, the minutes shall be valid if signed by all the other members of the Board of Directors present at the meeting and containing all the particulars set out in this clause. The minutes shall clearly state such refusal.
2. The minutes of the General Meeting of Shareholders shall be completed and approved before the conclusion of the meeting. The Chairperson and the Secretary, or any other person signing the minutes, shall be jointly liable for the truthfulness and accuracy of the contents of the minutes.
 3. The minutes prepared in Vietnamese and in a foreign language shall have equal legal effect. In the event of any discrepancy between the Vietnamese and foreign-language versions, the Vietnamese version shall prevail.
 4. The resolutions and minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders, the annex containing the list of shareholders registered to attend together with their signatures, powers of attorney, all documents accompanying the minutes (if any), and related documents sent together with the notice of the meeting, shall be disclosed in accordance with the laws on disclosure of information on the securities market, and shall be retained at the head office of the Company.

Article 24. Request for Annulment of Decisions of the General Meeting of Shareholders

Within ninety (90) days from the date of receipt of the minutes of the General Meeting of Shareholders or of the vote-counting minutes in respect of a written consultation of shareholders, any member of the Board of Directors, the CEO, or any Shareholder or group of Shareholders as referred to in Clause 3 of Article 12 of this Charter shall have the right to request the Court or arbitration to review and annul a decision of the General Meeting of Shareholders in the following cases:

1. Where the order and procedures for convening the meeting or for consulting shareholders in writing and for passing the decision of the General Meeting of Shareholders have not been carried out in accordance with the Law on Enterprises and this Charter, save for the case stipulated in Clause 4 of Article 21 of this Charter.

2. Where the content of the resolution is contrary to law or to this Charter.

Where a decision of the General Meeting of Shareholders is annulled by decision of the Court or arbitration, the convener of the annulled General Meeting of Shareholders may consider re-holding the General Meeting of Shareholders in accordance with the order and procedures provided by the Law on Enterprises and this Charter, within thirty (30) days of the date on which the decision of the Court or arbitration takes legal effect.

CHAPTER VII THE BOARD OF DIRECTORS

Article 25. Nomination and Proposal of Candidates for the Board of Directors

1. Where candidates have been identified in advance, information relating to the candidates for the Board of Directors shall be included in the materials for the meeting of the General Meeting of Shareholders and disclosed not less than ten (10) days before the opening date of the meeting of the General Meeting of Shareholders on the Company's website, so that shareholders may become acquainted with such candidates before voting. A candidate for the Board of Directors shall provide a written undertaking as to the truthfulness, accuracy and reasonableness of the personal information so disclosed, and shall undertake to perform the duties honestly if elected as a member of the Board of Directors. The information relating to a candidate for the Board of Directors so disclosed shall, at a minimum, include the following:
 - a) Full name and date of birth;
 - b) Educational qualifications;
 - c) Professional qualifications;
 - d) Work history;
 - e) Companies in which the candidate currently holds the position of member of the Board of Directors or other managerial positions;
 - f) A report evaluating the candidate's contribution to the Company, where the candidate is currently a member of the Board of Directors of the Company;
 - g) Any interests related to the Company (if any);
 - h) Full name of the shareholder or group of shareholders nominating the candidate (if any);
 - i) Other information (if any).
2. A Shareholder or group of Shareholders holding 10% or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates for the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises.

3. Where the number of candidates for the Board of Directors approved through nomination remains insufficient, the incumbent Board of Directors may nominate additional candidates or organise nominations in accordance with the mechanism stipulated by the Company in the Internal Regulations on Corporate Governance. The procedures for the incumbent Board of Directors to introduce candidates for the Board of Directors shall be clearly disclosed and approved by the General Meeting of Shareholders before nominations are carried out in accordance with law.

Article 26. Composition and Term of Office of Members of the Board of Directors

1. The number of members of the Board of Directors shall not exceed nine (09). The term of office of a member of the Board of Directors shall not exceed five (05) years, and a member may be re-elected for an unlimited number of terms. The term of office of a member of the Board of Directors elected to fill a vacancy or as a replacement shall be the remaining period of the term of the Board of Directors. An individual shall be elected as an independent member of the Board of Directors of a company for no more than two (02) consecutive terms. Where all members of the Board of Directors complete their term at the same time, they shall continue to act as members until new members are elected to replace them and assume the duties.

- 1.1 Standards and conditions for serving as a member of the Board of Directors shall include all of the following:

- a) He or she must hold Vietnamese nationality and reside in Vietnam for at least six (06) consecutive months;
- b) He or she must have full civil-act capacity and must not fall within any category of person prohibited from managing enterprises under the Law on Enterprises;
- c) He or she must possess professional qualifications and experience in the management of the Company's business, and need not be a Shareholder of the Company;
- d) He or she must not concurrently be a member of the Board of Directors of five (05) other companies.

- 1.2 Any person who is both an Acquirer and, at the same time, a Competitor or a representative of a Competitor of the Company shall not be eligible for nomination for election to the Board of Directors.

- 2 Composition of the Board of Directors:

The total number of non-executive members of the Board of Directors shall constitute at least one third (1/3) of the total number of members of the Board of Directors, and at least one fifth (1/5) of the total number of members of the Board of Directors shall be independent members. Where the Board of Directors of the Company has fewer than five (05) members,

the Company shall ensure that one member of the Board of Directors is an independent member.

3. Upon listing of the Company, the total number of independent members of the Board of Directors shall constitute at least one third (1/3) of the total number of members of the Board of Directors.
- 3.1 A member of the Board of Directors shall cease to hold the position of member of the Board of Directors in the following circumstances:
 - a) He or she no longer satisfies the qualifications to be a member of the Board of Directors under the Law on Enterprises, the regulations of the Company, or is prohibited by law from acting as a member of the Board of Directors;
 - b) He or she has submitted a letter of resignation that has been accepted;
 - c) He or she suffers from a mental disorder, and the other members of the Board of Directors have professional evidence that he or she no longer has legal capacity;
 - d) During his or her tenure as a member of the Board of Directors, the voting-share percentage of the shareholders who nominated and supported such member falls below the minimum threshold stipulated in Clause 4 of Article 12 of this Charter.
- 3.2 A member of the Board of Directors shall be dismissed in the following circumstances:
 - a) He or she fails to attend meetings of the Board of Directors for six (06) consecutive months, save in cases of force majeure;
 - b) He or she provided false personal information upon submission to the Company as a candidate for the Board of Directors;
 - c) He or she is both an Acquirer and, at the same time, a Competitor or a representative of a Competitor of the Company;
3. Such other circumstances as may be determined by the General Meeting of Shareholders.
- 3.4 The General Meeting of Shareholders hereby authorises the Board of Directors to consider and notify the loss of membership of the Board of Directors in the cases referred to in sub-clauses 4.1 and 4.2 of this Article. At the same time, the member so removed shall lose all rights to vote, veto, remuneration and other benefits at the Company. The formal decision of removal or dismissal shall be resolved by the General Meeting of Shareholders at its next meeting.

Where the number of members of the Board of Directors is reduced by more than one third below the number stipulated in the Charter of the Company, the Board of Directors shall convene a General Meeting of Shareholders within sixty (60) days from the date on which the number of members of the Board of Directors was so reduced.
4. A member of the Board of Directors need not be a Shareholder of the Company.

5. The appointment of a member of the Board of Directors shall be disclosed in accordance with the laws on securities and the securities market.

Article 27. Powers and Obligations of the Board of Directors

1. The business operations and affairs of the Company shall be subject to the supervision and direction of the Board of Directors. The Board of Directors is the body vested with full authority to exercise the rights and perform the obligations of the Company not falling within the authority of the General Meeting of Shareholders.
2. The powers and obligations of the Board of Directors shall be as prescribed by law, by the Charter of the Company, and by the General Meeting of Shareholders. In particular, the Board of Directors shall have the following powers and obligations:
 - 2.1 To determine the strategic direction, medium-term development plan, and annual business plan of the Company;
 - 2.2 To make recommendations to the General Meeting of Shareholders on the classes of shares and the total number of shares of each class authorised to be offered;
 - 2.3 To decide on the offering of new shares within the range of shares of each class authorised to be offered; to decide on the raising of additional capital by other means;
 - 2.4 To decide the offering price of shares and bonds of the Company;
 - 2.5 To decide on the redemption of shares in accordance with Clauses 1 and 2 of Article 133 of the Law on Enterprises and Article 9 of this Charter;
 - 2.6 To decide on solutions for market development, marketing, communications and information technology; to approve contracts of purchase, sale, borrowing, lending, and other contracts and transactions of a value equal to or exceeding 10% of the total assets recorded in the most recent audited or reviewed financial statements of the Company, save for contracts and transactions falling within the authority of the General Meeting of Shareholders under Clauses 13, 15, and 16 of Article 15 of this Charter;
 - 2.7 To decide on investments of a value of less than 50% of the total assets recorded in the most recent financial statements of the Company;
 - 2.8 To elect, remove and dismiss the Chairman of the Board of Directors; to appoint, remove and approve the remuneration and salary of the CEO, Deputy General Directors, Chief Accountant, and other key managers of the Company; to appoint authorised representatives to exercise share or capital-contribution ownership rights at other companies, and to decide the remuneration and other benefits payable to such persons;
 - 2.9 To supervise and direct the CEO and other Senior Officers in the day-to-day management of the Company's business;

- 2.10 To resolve the Company's claims against the Senior Officers of the Company and to decide on the representative of the Company in dealing with matters of legal procedure involving such Senior Officer;
- 2.11 To resolve and approve the following Regulations:
- The Financial Regulations of the Company;
 - The Regulations on Recruitment, Appointment and Deployment of Personnel of the Company;
 - The KPI system and Remuneration / Payroll Scale Regulations of the Company;
 - Regulations relating to the delegation of authority by the Board of Directors;
 - Such other Regulations as the Board of Directors considers necessary to approve.
- 2.12 To propose the issuance of convertible bonds and bonds with warrants;
- 2.13 To report to the General Meeting of Shareholders on the appointment by the Board of Directors of the CEO;
- 2.14 To determine the organisational structure, to decide on the establishment, modification, dissolution / termination of operations, or suspension of business of subsidiaries, branches and representative offices, and on capital contribution to, and the purchase or sale of shares in, other enterprises;
- 2.15 To approve the agenda and content of materials for meetings of the General Meeting of Shareholders, to convene meetings of the General Meeting of Shareholders or to consult shareholders for the passing of decisions by the General Meeting of Shareholders;
- 2.16 To submit the annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;
- 2.17 To make recommendations to the General Meeting of Shareholders regarding the dividend rate; to decide on the time and procedure for the payment of dividends or for the handling of losses arising in the course of business; to organise the payment of dividends;
- 2.18 To make recommendations on the reorganisation, dissolution or request for bankruptcy of the Company;
- 2.19 To exercise such other rights as do not fall within the authority of the General Meeting of Shareholders;
- 2.20 The Board of Directors shall be entitled to examine and decide on any transaction falling within the authority of the Chairman of the Board of Directors or the CEO where it considers it necessary in the interests of the Company.

In the performance of its functions and duties, the Board of Directors shall comply strictly with the provisions of law, this Charter, and the resolutions of the General Meeting of Shareholders. Where a decision passed by the Board of Directors is contrary to the provisions of this Charter and causes damage to the Company, the members approving such decision

shall be jointly liable for the decision and shall compensate the Company for any loss; the members opposing the decision shall be exempt from liability. In such a case, a Shareholder holding 5% or more of the total ordinary shares of the Company shall be entitled to request the Board of Directors to suspend the implementation of the said decision, if substantiated by legal evidence.

3. The following matters shall be subject to approval by the Board of Directors:
 - 3.1 The establishment or termination of branches or representative offices of the Company;
 - 3.2 The establishment or termination of subsidiaries of the Company;
 - 3.3 Within the scope of Clause 2 of Article 138 of the Law on Enterprises, and save for the cases stipulated in Clause 2 of Article 153 and Clauses 1 and 3 of Article 167 of the Law on Enterprises which require approval by the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors shall decide on the performance, amendment and cancellation of contracts of the Company;
 - 3.4 The appointment and removal of persons authorised by the Company as its commercial representatives or lawyers;
 - 3.5 Borrowing and the execution of mortgages, security, guarantees and indemnities of the Company;
 - 3.6 Investments not included in the business plan exceeding 10% of the value of the annual business plan and budget;
 - 3.7 The purchase or sale of shares or capital contributions in other companies established in Vietnam or abroad;
 - 3.8 The valuation of non-cash assets contributed to the Company in connection with the issuance of shares or bonds, including gold, land-use rights, intellectual property rights, technology and technological know-how;
 - 3.9 The redemption or recovery of no more than 10% of the total shares of each class offered in any twelve (12) months;
 - 3.10 The determination of the purchase or redemption price of shares of the Company;
 - 3.11 Business matters or transactions in respect of which the Board of Directors decides that its approval is required within the scope of its authority and responsibility;
 - 3.12 The transfer or licensing of the Company's intellectual property rights to other individuals or organisations;
 - 3.13 The approval in principle of matters relating to the number of employees, the appointment or removal, salary, allowance, benefits and other terms of employment contracts of such persons;

- 3.14 Decisions, approvals and consents concerning transactions for the provision of loans or guarantees to the subsidiaries of Vietravel Company.
4. The Board of Directors shall report to the annual General Meeting of Shareholders on its activities, including its supervision of the CEO and other Senior Officers during the fiscal year. Where the Board of Directors fails to submit a report to the General Meeting of Shareholders, the annual financial statements of the Company shall be deemed invalid and not yet approved by the Board of Directors.
5. Save as otherwise provided by law and by the Charter, the Board of Directors may delegate to subordinate staff and other Senior Officers the authority to act on its behalf in conducting the business of the Company.

Article 28. Remuneration, Salary and Other Benefits of Members of the Board of Directors

1. Members of the Board of Directors (excluding authorised representatives) shall be entitled to remuneration for their work as members of the Board of Directors. The total remuneration of the Board of Directors shall be determined by the General Meeting of Shareholders. Such remuneration shall be allocated among the members of the Board of Directors in accordance with an internal agreement, or equally where no such agreement can be reached.
2. The total amounts paid to each member of the Board of Directors, including remuneration, expenses, commissions, share options and other benefits received from the Company, its subsidiaries, affiliated companies and other companies in which he or she represents the capital contribution, shall be disclosed in detail in the Annual Report of the Company. Remuneration paid to members of the Board of Directors shall be presented as a separate item in the annual financial statements of the Company.
3. Members of the Board of Directors holding executive positions or members serving on sub-committees of the Board of Directors or performing other tasks which, in the view of the Board of Directors, fall outside the normal scope of duty of a member of the Board of Directors may be paid additional remuneration in the form of lump-sum fees, salary, commission, a percentage of profits, or in such other form as the Board of Directors may determine.
4. Members of the Board of Directors shall be entitled to the reimbursement of all travel, subsistence, lodging and other reasonable expenses incurred in the discharge of their duties as members of the Board of Directors, including expenses incurred in attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or the sub-committees of the Board of Directors.
5. The remuneration of each member of the Board of Directors shall be recognised as a business expense of the Company in accordance with the laws on corporate income tax, and shall be

presented as a separate item in the annual financial statements of the Company, and shall be reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

6. Members of the Board of Directors may be covered by liability insurance arranged by the Company upon approval by the General Meeting of Shareholders. Such insurance shall not cover liabilities of members of the Board of Directors in respect of breaches of law and of the Charter of the Company.

Article 29. Chairman of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall elect a Chairman from among its members.
2. Powers and duties of the Chairman of the Board of Directors:
 - 2.1 To prepare the agenda and working plan of the Board of Directors;
 - 2.2 To prepare or arrange the preparation of the agenda, content and materials for meetings; to convene and preside over meetings of the General Meeting of Shareholders and of the Board of Directors;
 - 2.3 The Chairman of the Board of Directors shall submit to the Shareholders at the General Meeting of Shareholders the annual financial statements, the report on the general state of the Company, the audit report of the auditor, and the report on the activities of the Board of Directors;
 - 2.4 To sign the resolutions and decisions of the Board of Directors on behalf of the Board of Directors;
 - 2.5 To monitor and supervise the implementation of the resolutions of the Board of Directors;
 - 2.6 To direct and approve matters relating to the organisational structure and personnel of the Company, save for matters falling within the authority of the Board of Directors, specifically:
 - To decide on the establishment, restructuring and dissolution of departments, units and business locations of the Company;
 - To proactively formulate and submit for approval by the Board of Directors organisational matters falling within the decision-making authority of the Board of Directors;
 - To approve and sign documents relating to the organisation and personnel of the Company; to approve the annual personnel-development plan of the Company.
 - 2.7 To recommend to the Board of Directors the appointment and removal of the CEO, Deputy General Directors and Chief Accountant; to sign the employment contracts with the CEO and Deputy General Directors on behalf of the Board of Directors;
 - 2.8 To decide on contracts of purchase, sale, borrowing, lending, and other contracts and transactions of a value of less than 10% of the total assets recorded in the most recent financial statements of the Company, save for transactions falling within the decision-making authority of the Board of Directors of the Company;

- 2.9 Where necessary, the Chairman of the Board of Directors may temporarily suspend decisions of the CEO in order to mitigate losses, and shall thereafter submit the matter to the Board of Directors for an official resolution within fifteen (15) days from the date of the temporary suspension;
 - 2.10 To organise the passing of decisions of the Board of Directors;
 - 2.11 To chair meetings of the General Meeting of Shareholders.
 - 2.12 To exercise such other powers and perform such other duties as are prescribed by the Law on Enterprises and by this Charter and the Company's regulations.
3. The Chairman of the Board of Directors shall reside in Vietnam. Where the Chairman of the Board of Directors is absent from Vietnam for more than thirty (30) working days or is unable to perform his or her duties, he or she shall authorise in writing another member of the Board of Directors to exercise the powers and perform the duties of the Chairman, and shall notify the Board of Directors of such absence. Where the Chairman does not so appoint another member of the Board of Directors, the remaining members shall, by a simple majority vote, appoint a member to act as Chairman. The duties of the replacement member shall cease upon the return to work of the Chairman of the Board of Directors. The Chairman of the Board of Directors may be removed by decision of the Board of Directors. Where the Chairman of the Board of Directors resigns or is removed, the Board of Directors shall elect a replacement within ten (10) days from the date of submission of the letter of resignation or of the removal.

Where the Chairman of the Board of Directors is absent from Vietnam for more than thirty (30) working days without having authorised another member of the Board of Directors in writing, the Board of Directors shall convene a meeting to elect another member as Chairman of the Board of Directors.

Article 30. Meetings of the Board of Directors and Committees of the Board of Directors

1. Where the Board of Directors elects the Chairman, the Chairman of the Board of Directors shall be elected at the first meeting of the newly-elected Board of Directors within seven (07) working days from the date on which the election of the Board of Directors for that term is completed. Such meeting shall be convened and chaired by the member receiving the highest number of votes or the highest percentage of votes. Where more than one (01) member received the highest number of votes or the highest percentage of votes, the members shall, by simple majority, select one (01) among their number to convene the meeting of the Board of Directors.
2. The Chairman of the Board of Directors shall convene regular and extraordinary meetings of the Board of Directors, and shall establish the agenda, time and venue of each meeting at least three (03) working days before the meeting. The Chairman may convene meetings

whenever he or she considers it necessary, but meetings shall be held not less than once (01) per quarter.

3. The Chairman of the Board of Directors shall, without undue delay, convene a meeting of the Board of Directors where any of the following persons so requests in writing, specifying the purpose of the meeting, the matters to be discussed, and that they fall within the authority of the Board of Directors:
 - 3.1 Where the Chairman of the Board of Directors considers it necessary in the interests of the Company;
 - 3.2 The CEO or at least five (05) other Senior Officers;
 - 3.3 At least three (03) members of the Board of Directors;
 - 3.4 An independent member of the Board of Directors;
 - 3.5 At least two (02) executive members of the Board of Directors.
4. The Chairman of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board of Directors within seven (07) working days from the date of receipt of a request as referred to in Clause 3 of this Article. Where the Chairman fails to convene a meeting upon such request, the Chairman shall be liable for any loss caused to the Company, and the persons requesting the meeting as referred to in Clause 3 of this Article shall be entitled to convene the meeting of the Board of Directors.
5. Where an independent audit firm performing the audit of the financial statements of the Company so requests, the Chairman of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board of Directors to discuss the audit report and the state of the Company.
6. Venue: Meetings of the Board of Directors shall be held at the head office of the Company or at any other location in Vietnam or abroad as determined by the Chairman of the Board of Directors with the consent of the Board of Directors.
7. Notice of a meeting of the Board of Directors shall be sent to the members of the Board of Directors at least three (03) working days before the meeting. A member of the Board of Directors may decline the notice of the meeting in writing, and such declination may be changed or cancelled by written notice of that member. The notice of a meeting of the Board of Directors shall be prepared in writing in Vietnamese and shall contain full particulars of the time and venue of the meeting, the agenda, matters to be discussed, together with the necessary materials relating to the matters to be discussed and voted upon at the meeting, and the voting paper of the member.

The notice of the meeting shall be sent by post, facsimile, electronic mail or other means, provided that it reaches the contact address of each member of the Board of Directors registered with the Company.



8. **Quorum:** Meetings of the Board of Directors shall be conducted where at least three quarters (3/4) of the total members of the Board of Directors are present in person or through authorised representatives (proxies). Where the quorum is not met, the meeting shall be reconvened within seven (07) days from the date originally scheduled for the first meeting. The reconvened meeting shall be conducted where more than one half (1/2) of the members of the Board of Directors are present. A member of the Board of Directors shall also be deemed to have attended and voted at the meeting where the member has dispatched a written ballot to the meeting by post, facsimile or electronic mail which reaches the Chairman of the Board of Directors no later than one hour before the opening of the meeting.
9. **Voting:**
 - 9.1 Save as provided in sub-clause 9.2 of this Article, each member of the Board of Directors or authorised proxy present in person at a meeting of the Board of Directors shall have one vote.
 - 9.2 A member of the Board of Directors may not vote on any contract, transaction or proposal in which the member, together with any Related Party, has an interest which is material compared with the interest derived from holding shares, bonds or other securities of the Company; or where such interest relates to the duties of the member which conflict or may conflict with the interests of the Company. A member of the Board of Directors shall not be counted towards the quorum at a meeting in respect of any decision on which the member is not entitled to vote.

Any member of the Board of Directors benefiting from a contract as stipulated in Clause 10 of Article 38 of this Charter shall be deemed to have a material interest in that contract.
 - 9.3 Under sub-clause 9.2 of this Article, where at a meeting of the Board of Directors any question arises as to the extent of a member's interest or the right of any member to vote on any matter, and such question is not resolved by the voluntary abstention of the member concerned, such question shall be referred to the Chairperson of the meeting, and the ruling of the Chairperson in relation to all the other members of the Board of Directors shall be conclusive and final, save where the nature or extent of the interest of the member of the Board of Directors concerned has not been duly disclosed.
10. **Declaration of interests:** A member of the Board of Directors who, whether directly or indirectly, in any manner whatsoever, is to benefit from a contract or transaction entered into or proposed with the Company, shall declare the nature and contents of such interest at the meeting at which the Board of Directors first considers the entering into of the contract or transaction, where the member was then aware of his or her interest. Alternatively, the member may make such declaration at the first meeting of the Board of Directors held after the member becomes aware that he or she has an interest or will have an interest in the transaction or contract concerned.

11. Majority voting: The Board of Directors shall pass resolutions and make decisions by the affirmative vote of a majority of the members of the Board of Directors present (more than 50%). Where the votes for and against are equal, the final decision shall follow the vote cast by the Chairman of the Board of Directors.
12. Voting by absent members: A member of the Board of Directors who is absent without an authorised proxy may vote on a resolution of the Board of Directors by way of a written ballot. Such written ballot shall be delivered to the Chairman or, failing that, to the Secretary, no later than one hour before the time scheduled for the opening of the meeting.
13. Conference meetings: Meetings of the Board of Directors may be held by way of conference among the members of the Board of Directors, where all or some of the members are in different locations, provided that each member attending the meeting is able to:
 - 13.1 Hear each other member of the Board of Directors speaking at the meeting;
 - 13.2 Address all other attendees simultaneously.

Communications among the members may be conducted directly by telephone or by other means of communication, or by a combination of such means. A member of the Board of Directors attending such a meeting shall be deemed to be "present" at that meeting. The venue of a meeting held under this clause shall be the place at which the largest group of members of the Board of Directors is assembled, or, failing any such group, the location at which the Chairperson of the meeting is present.

Decisions passed at a telephonic meeting duly convened and conducted shall take effect immediately upon the conclusion of the meeting, but shall be confirmed by the signatures of all the members of the Board of Directors attending the meeting on the minutes.

14. Passing of resolutions by written consultation: A resolution passed by written consultation shall be approved on the basis of the affirmative votes of a majority of members of the Board of Directors entitled to vote. Such a resolution shall have the same effect and validity as a resolution passed at a meeting. It may be passed using multiple copies of the same document, each copy of which is signed by one or more members. Upon receipt, the written ballots of the members of the Board of Directors shall be collated and compiled into Minutes of the meeting of the Board of Directors, bearing the signatures of all members of the Board of Directors.

Where a resolution is passed by written consultation, members of the Board of Directors shall vote and respond to the consultation within three (03) days of receipt of the consultation form. For matters of an important or urgent nature as determined by the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors shall vote and respond within twenty-four (24) hours of receipt of the consultation form.

15. Meeting minutes: The Chairman of the Board of Directors shall distribute the minutes of each meeting of the Board of Directors to the members; such minutes shall be regarded as conclusive evidence of the proceedings at that meeting, save where objections are raised to the content of the minutes within ten (10) days of dispatch. Minutes shall be prepared in Vietnamese or in a foreign language and shall bear the signatures of the Chairperson and of the minute-taker.
16. Invited observers: The CEO, other Senior Officers, and third-party experts may attend meetings of the Board of Directors upon the invitation of the Board of Directors, but shall not have the right to vote unless they themselves have the right to vote as members of the Board of Directors.
17. Committees of the Board of Directors:
 - The Board of Directors may establish an Organisation and Human Resources Committee, a Finance and Investment Committee, a Planning and Development Committee, and such other committees as may be required to support the activities of the Board of Directors.
 - The Board of Directors may delegate to such Committees the authority to act and to provide high-level direction and coordination on strategic matters in implementing the resolutions of the Board of Directors. The membership of a Committee may comprise one or more members of the Board of Directors and one or more external members, as determined by the Board of Directors. In exercising delegated authority, Committees may establish working groups where deemed necessary, and shall comply with the rules issued by the Board of Directors.
 - The Board of Directors shall specify in detail the establishment of, and the responsibilities of, the Committees and of each member.

Article 31. Office of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall establish an Office of the Board of Directors, comprising sub-committees, to support the activities of the Board of Directors. The number of members of the Office of the Board of Directors shall be determined by the Board of Directors.
2. The Office of the Board of Directors shall be under the charge of the Chairman of the Board of Directors. The functions and duties of the Office of the Board of Directors shall comply with the Rules of Operation of the Office of the Board of Directors issued by the Board of Directors, and shall be consistent with the laws currently in force and with the Charter of the Company.

Article 32. Corporate Governance Officer

1. The Board of Directors of the Company shall appoint at least one (01) Corporate Governance Officer to support the corporate-governance function of the enterprise. The Corporate Governance Officer may concurrently hold the position of Corporate Secretary under Clause 5 of Article 156 of the Law on Enterprises.

2. The Corporate Governance Officer shall not concurrently work for an approved audit firm performing the audit of the financial statements of the Company.
3. The Corporate Governance Officer shall have the following rights and obligations:
 - a) To advise the Board of Directors in the organisation of meetings of the General Meeting of Shareholders as required and on matters between the Company and its shareholders;
 - b) To prepare meetings of the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders as requested by the Board of Directors;
 - c) To advise on the procedures for meetings;
 - d) To attend meetings;
 - e) To advise on the procedures for the preparation of resolutions of the Board of Directors in compliance with the provisions of law;
 - f) To provide financial information, copies of minutes of meetings of the Board of Directors, and other information to the members of the Board of Directors;
 - g) To monitor and report to the Board of Directors on the Company's information disclosure;
 - h) To act as the point of contact with interested parties;
 - i) To maintain the confidentiality of information in accordance with the provisions of law and this Charter;
 - j) Such other rights and obligations as are provided by law.

Article 33. Audit Committee

1. Nomination and Proposal of Members of the Audit Committee

- 1.1 The Chairman of the Audit Committee and the other members of the Audit Committee shall be nominated by the Board of Directors and shall not be executive officers of the Company.
- 1.2 The appointment of the Chairman and other members of the Audit Committee shall be resolved by the Board of Directors at a meeting of the Board of Directors.

2. Composition of the Audit Committee

- 2.1 The Audit Committee shall have at least 02 members. The Chairman of the Audit Committee shall be an independent member of the Board of Directors. The other members of the Audit Committee shall be non-executive members of the Board of Directors.
- 2.2 Members of the Audit Committee shall have knowledge of accounting and auditing, general understanding of the law and of the operations of the Company, and shall not fall within any of the following categories:
 - a) Working in the accounting or finance department of the Company;
 - b) Being a member or employee of the approved audit firm performing the audit of the financial statements of the Company in the three preceding years.

2.3 The Chairman of the Audit Committee shall hold a university degree or higher in one of the following disciplines: economics, finance, accounting, auditing, law or business administration.

3. Powers and Obligations of the Audit Committee

The Audit Committee shall have the powers and obligations provided in Article 161 of the Law on Enterprises, in this Charter, and the following rights and obligations:

- 3.1 To have access to materials relating to the operations of the Company, and to exchange information with the other members of the Board of Directors, the CEO, the Chief Accountant and other Senior Officers, in order to gather information for the activities of the Audit Committee.
- 3.2 To have the right to require the representative of the approved audit firm to attend meetings of the Audit Committee and to answer questions relating to the audited financial statements.
- 3.3 To use external legal, accounting or other advisory services where necessary.
- 3.4 To develop and submit to the Board of Directors policies for the identification and management of risks; to propose to the Board of Directors solutions for addressing risks arising in the operations of the Company.
- 3.5 To prepare a written report to the Board of Directors upon discovering that any member of the Board of Directors, the CEO, or any other manager has failed to discharge fully his or her responsibilities under the Law on Enterprises and the Charter of the Company.
- 3.6 To develop the Rules of Operation of the Audit Committee and submit them for approval by the Board of Directors.
- 3.7 Such other rights and obligations as are provided in the regulations of the Company.

4. Meetings of the Audit Committee

- 4.1 The Audit Committee shall meet at least twice (02) per year. Minutes shall be taken in detail and with clarity, and shall be fully retained. The minute-taker and the members of the Audit Committee present at the meeting shall sign the minutes.
- 4.2 The Audit Committee shall pass decisions by voting at meetings, by written consultation or by such other form as is stipulated in the Rules of Operation of the Audit Committee. Each member of the Audit Committee shall have one vote. Save where the Rules of Operation of the Audit Committee provide a higher ratio, decisions of the Audit Committee shall be passed on the affirmative vote of a majority of members present; where the votes are equal, the final decision shall follow the vote of the Chairman of the Audit Committee.

5. Reporting by Independent Members of the Board of Directors on the Audit Committee at the Annual General Meeting of Shareholders

- 5.1 Independent members of the Board of Directors serving on the Audit Committee shall be responsible for reporting on their activities at the annual General Meeting of Shareholders.

- 5.2 The report of the independent members of the Board of Directors serving on the Audit Committee at the annual General Meeting of Shareholders shall contain the following:
- a) The remuneration, operating expenses and other benefits of the Audit Committee and of each member of the Audit Committee as provided by the Law on Enterprises and the Charter of the Company;
 - b) A summary of the meetings of the Audit Committee and of the conclusions and recommendations of the Audit Committee;
 - c) The results of the supervision of the financial statements, the operations and the financial situation of the Company;
 - d) A report evaluating the transactions between the Company, its subsidiaries and other companies in which the Company holds a controlling interest of more than 50% of charter capital, on the one hand, and members of the Board of Directors, the CEO, other Senior Officers of the Company and their Related Parties, on the other hand; transactions between the Company and a company in which a member of the Board of Directors, the CEO or another Senior Officer of the Company was a founding member or an Senior Officer during the three years immediately preceding the date of the transaction;
 - e) The results of the evaluation of the Company's internal-control and risk-management systems;
 - f) The results of the supervision of the Board of Directors, the CEO and other Senior Officers of the Company;
 - g) The results of the evaluation of the coordination between the Audit Committee and the Board of Directors, the CEO and the shareholders.

CHAPTER VIII

THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS

Article 34. Organisation of the Management Apparatus

The management system of the Company shall ensure that the management apparatus is accountable to the Board of Directors and subject to the supervision and direction of the Board of Directors in the day-to-day business of the Company. The Company shall have a CEO, Deputy General Directors, a Chief Accountant, and such other key executive officers as are appointed by the Board of Directors. The appointment, removal and dismissal of such positions shall be effected by resolution of the Board of Directors.

Article 35. Executive Officers of the Enterprise

1. Upon the recommendation of the CEO and with the approval of the Board of Directors, the Company may recruit other Senior Officers in such numbers and meeting such standards as are consistent with the organisational structure and management regulations of the Company,

as prescribed by the Board of Directors. Executive officers of the enterprise shall be diligent in supporting the Company in achieving its operational and organisational objectives.

2. Remuneration, salary, benefits and other terms of the employment contract of the CEO shall be determined by the Board of Directors; and the contracts with other Senior Officers shall be determined by the Board of Directors after consultation with the CEO.

Article 36. Appointment, Removal, Duties and Powers of the CEO

1. The Board of Directors shall appoint one (01) member of the Board of Directors or another person as CEO; and shall determine the salary, remuneration, bonuses and other benefits. The salary, remuneration, bonuses and other benefits of the CEO shall be reported to the annual General Meeting of Shareholders, shall be presented as a separate item in the annual financial statements, and shall be stated in the Annual Report of the Company.
2. The CEO is the person who manages the day-to-day business of the Company; is subject to the supervision of the Board of Directors; and is accountable to the Board of Directors and to the law for the exercise of the rights and the discharge of the duties assigned.
3. The term of office of the CEO shall not exceed five (05) years, and the CEO may be reappointed. The appointment may terminate in accordance with the provisions of the employment contract. The CEO shall not be a person prohibited by law from holding that position, and shall satisfy such standards and conditions as are prescribed by law and by the Charter of the Company.
4. The CEO shall have the following powers and obligations:
 - 4.1 To organise the implementation of resolutions of the Board of Directors and of the General Meeting of Shareholders. To submit monthly, quarterly and annual business and financial plans and to implement them in accordance with plans approved by the Board of Directors;
 - 4.2 To decide on matters relating to the day-to-day business of the Company in accordance with law, the Charter of the Company, the employment contract signed with the Company, and the resolutions and decisions of the Board of Directors;
 - 4.3 To sign dossiers, documents, contracts, transactions and instruments under the authority delegated by the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors;
 - 4.4 To make recommendations to the Chairman of the Board of Directors on the organisational-structure plan and the Internal Management Regulations of the Company;
 - 4.5 To propose measures to improve the operations and management of the Company;
 - 4.6 To recommend and advise on the number and identity of executive officers and mid-level managers required to be recruited by the Company for appointment or removal by the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors in accordance with this Charter, and to recommend their remuneration, salary and other benefits for determination by the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors;

- 4.7 To submit the personnel plan of the Company. In the planning of the number of personnel in the Company, the following principles shall apply: (i) the number and quality of personnel holding managerial positions shall match the requirements of the work to be managed; (ii) the ethics of persons holding managerial positions shall be transparent, upright, and diligent; (iii) persons holding managerial positions shall be accountable for the entire operations and performance of the unit under their management; (iv) they shall be loyal to the Company;
- 4.8 To decide on recruitment and the signing of employment contracts, appointment, removal, transfer, salary, benefits and policies, and disciplinary action (save for dismissal), and to sign decisions of termination of employment in respect of personnel from the head or deputy-head of a department or subordinate unit of the Company downwards, within the personnel headcount approved by the Board of Directors;
- 4.9 To negotiate the Collective Labour Agreement with employees; to develop and implement the Company Rules, Internal Regulations, and to manage the day-to-day operations of the Company, save for regulations falling within the approval authority of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or the Chairman of the Board of Directors under the Charter of the Company;
- 4.10 To decide on the acquisition, replacement or disposal of tools, instruments and other assets serving the regular business activities of the Company, of a value of less than VND 2 billion per transaction, provided that such transactions do not result in any material change in the asset structure or operations of the Company;
- 4.11 By 30 November each year, to submit to the Board of Directors for approval the detailed business plan for the following fiscal year, on the basis of compliance with the requirements of the applicable budget and the five-year (05) financial plan;
- 4.12 To prepare the long-term, annual and quarterly budgets of the Company (hereinafter referred to as the budgets) for the long-term, annual and quarterly management of the Company in accordance with the business plan. The annual budget (including the projected balance sheet, income statement and cash-flow statement) for each fiscal year shall be submitted for approval by the Board of Directors and shall contain the information required by the regulations of the Company;
- 4.13 Such other rights and obligations as are provided by law, by this Charter, the internal regulations of the Company, the resolutions and delegations of authority of the Board of Directors, authorisations of the legal representative, and the employment contract signed with the Company.
- 4.14 The CEO shall be accountable to the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders, and to the law, for the performance of the duties and powers assigned, and shall report to such authorities when required.

- 4.15 The Board of Directors may remove the CEO when a majority of the members of the Board of Directors entitled to vote who are present so resolve, and shall appoint a new CEO in replacement.

CHAPTER IX

RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVE OFFICERS

Article 37. Duty of Care

Members of the Board of Directors, the CEO and other Senior Officers shall be responsible for carrying out their duties, including duties as members of sub-committees, boards or committees of the Board of Directors, honestly, prudently, and in the manner which they believe to be in the best interests of the Company, and with the degree of care that any other prudent person would exercise in an equivalent position and similar circumstances.

Article 38. Duty of Honesty and Avoidance of Conflicts of Interest

1. Members of the Board of Directors, the CEO and other Senior Officers shall disclose related interests as provided in Article 164 of the Law on Enterprises and other provisions of law.
2. Members of the Board of Directors, the CEO and other Senior Officers shall not use business opportunities that may benefit the Company for their personal gain; nor shall they use information obtained by virtue of their position for personal gain or to serve the interests of another organisation or individual.
3. Members of the Board of Directors, the CEO and other Senior Officers shall notify the Board of Directors of all interests that may give rise to a conflict with the interests of the Company which they may enjoy through other economic entities, transactions or individuals.
4. Members of the Board of Directors, the CEO and other Senior Officers shall notify the Board of Directors of transactions between the Company, its subsidiaries, or companies in which the Company holds a controlling interest of more than 50% of the charter capital, on the one hand, and such members, or Related Parties of such members, on the other hand, as provided by law. For transactions of the foregoing persons that are approved by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Company shall disclose such resolutions in accordance with the laws on securities information disclosure.
5. Members of the Board of Directors, the CEO and other Senior Officers carrying out work in the name of themselves or of another person in any form within the scope of the Company's business shall report the nature and content of such work to the Board of Directors, and shall only proceed upon the consent of a majority of the remaining members of the Board of Directors; where such work is carried out without disclosure or without the consent of the

Board of Directors, in addition to compliance with Clause 5 of Article 164 of the Law on Enterprises, the individual concerned shall:

- Make full compensation to the Company where there is a conflict of interest;
 - Be required to withdraw all capital or divest personally from the relevant organisation upon the request of the Board of Directors. Should he or she fail to withdraw the capital as required by the Board of Directors, he or she shall relinquish the positions and titles held at the Company.
6. The Company shall not provide loans or guarantees to shareholders who are individuals or to Related Parties of such individual shareholders.
 7. The Company shall not provide loans or guarantees to shareholders that are organisations or to Related Parties of such shareholders who are individuals, save in the following case: where the shareholder is a subsidiary in a case in which such subsidiary is a company without State-owned shares or capital contribution and contributed capital or acquired shares of the Company prior to 1 July 2015, pursuant to Clause 6 of Article 16 of Decree No. 96/2015/ND-CP dated 19 October 2015 of the Government detailing certain provisions of the Law on Enterprises.
 8. The Company shall not provide loans or guarantees to Related Parties of shareholders that are organisations, save in the following case: where the Company and the organisation being a Related Party of the shareholder are companies within the same group, or companies operating under a group-of-companies structure, including parent-subsidary companies and economic groups, and such transaction must be approved by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors in accordance with the Charter of the Company.
 9. Save as otherwise decided by the General Meeting of Shareholders, the Company shall not conduct the following transactions: the granting of loans or guarantees to members of the Board of Directors, the CEO, other Senior Officers or managers, and individuals or organisations related to any such person, or legal entities in which such persons have financial interests, except where the Company and the related organisation are companies within the same group or companies operating under a group-of-companies structure, including parent-subsidary companies and economic groups, and otherwise provided by the specialised law.
 10. A contract or transaction between the Company and one or more members of the Board of Directors, the CEO, other Senior Officers and individuals or organisations related to them, or a company, partnership, association or organisation of which a member of the Board of Directors, the CEO, another Senior Officer or their Related Parties is a member or has a financial interest, shall not be invalid in the following circumstances:

- 10.1 In the case of a contract with a value of less than 35% (thirty-five per cent) of the total assets recorded in the most recent financial statements, the essential terms of the contract or transaction, together with the relationships and interests of the members of the Board of Directors, the CEO or other Senior Officers, have been reported to the Board of Directors. The Board of Directors has in good faith authorised the performance of such contract or transaction by a majority vote of the non-interested members of the Board of Directors;
- 10.2 In the case of a contract with a value equal to or exceeding 35% (thirty-five per cent) of the total assets recorded in the most recent financial statements, the essential terms of the contract or transaction, together with the relationships and interests of the members of the Board of Directors, the CEO or other Senior Officers, have been disclosed to non-interested voting shareholders, and such shareholders have approved the contract or transaction by 65% of the total voting shares;
- 10.3 An independent advisory organisation considers the contract or transaction to be fair and reasonable in all respects to the shareholders of the Company at the time of approval by the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders.
- Members of the Board of Directors, the CEO, other Senior Officers and the organisations or individuals related to them shall not use unpublished information of the Company or disclose it to others for the purpose of carrying out related transactions.
- 10.4 In accordance with Clause 9 of this Article, the Board of Directors shall have the authority to decide on, approve and consent to transactions for the provision of loans or guarantees to the subsidiaries of Vietravel Company or to shareholders that are organisations related to members of the Board of Directors of the Company.

Article 39. Liability for Damage and Indemnification

1. Liability: Members of the Board of Directors, the CEO and other Senior Officers who breach the duty to act honestly or who fail to discharge their duties with the care, diligence and professional competence required shall be liable for any damage caused by their breach.
2. Indemnification: The Company shall indemnify any person who has been, is, or may become a party to a claim, suit or prosecution (including civil and administrative matters, and excluding any such matter brought by the Company), where that person has been or is a member of the Board of Directors, the CEO, another Senior Officer, an employee, or an authorised representative of the Company, or where that person has been or is acting at the request of the Company in the capacity of a member of the Board of Directors, an executive officer, an employee, or an authorised representative of the Company, provided that such person has acted honestly, prudently and diligently for the benefit of, or not in conflict with, the interests of the Company, on the basis of compliance with law, and there is no evidence establishing a breach of his or her responsibilities.

3. Indemnification expenses shall include incidental expenses (including lawyers' fees), the costs of adjudication, fines, and amounts payable arising in fact or considered reasonable in resolving such matters within the limits permitted by law. The Company may take out insurance for such persons to cover such liability.

CHAPTER X

RIGHT TO INSPECT BOOKS AND RECORDS OF THE COMPANY

Article 40. Right to Inspect Books and Records

1. Shareholders or groups of Shareholders as referred to in Clause 3 of Article 12 of this Charter shall have the right, directly or through a lawyer or authorised representative, to send a written request to inspect, during working hours and at the principal business location of the Company, the list of Shareholders and the minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders, and to copy or extract such records. A request for inspection made by a lawyer or other authorised representative of a Shareholder shall be accompanied by the power of attorney of the Shareholder represented, or a notarised copy thereof.
2. Members of the Board of Directors, the CEO and other Senior Officers shall have the right to inspect the Register of Shareholders of the Company, the list of Shareholders, and other books and records of the Company for purposes related to their positions, provided that such information is kept confidential.
3. The Company shall retain this Charter and amendments or supplements hereto, the Business Registration Certificate, its internal regulations, documents evidencing title to assets, minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Internal Audit Board, annual financial statements, accounting books and any other documents required by law, at its head office or at any other place, provided that the Shareholders and the business-registration authority are notified of the location at which such documents are retained.
4. The Charter of the Company shall be published on the Company's website. Every shareholder shall have the right to access it.

CHAPTER XI

EMPLOYEES AND THE TRADE UNION

Article 41. Employees and the Trade Union

1. Each year, the Company and the Trade Union representative shall develop and issue regulations on coordination regarding recruitment, labour rules, the collective labour agreement, remuneration, rewards, discipline and similar matters of the Company, in accordance with the provisions of law.

2. Each year, the CEO shall prepare plans for approval by the Board of Directors on matters relating to recruitment, termination of employment, salaries, social insurance, welfare, rewards and discipline in respect of employees and Senior Officers of the Company.
3. The CEO shall prepare plans for approval by the Board of Directors on matters relating to the Company's relations with trade-union organisations in accordance with the best management standards, practices and policies, the practices and policies set out in this Charter, the regulations of the Company, and the provisions of law currently in force.

CHAPTER XII DISTRIBUTION OF PROFITS

Article 42. Distribution of Profits

1. The General Meeting of Shareholders shall determine the level and form of annual dividend payments out of the Company's retained earnings.
2. The Company shall not pay interest on dividend amounts or on other amounts payable in respect of a class of shares.
3. The Board of Directors may propose to the General Meeting of Shareholders to approve the payment of dividends in whole or in part in the form of shares, and the Board of Directors shall be the body implementing such decision.
4. Where dividends or other amounts payable in respect of a class of shares are paid in cash, the Company shall make the payment in Vietnamese Dong. Payment may be made directly or through banks on the basis of the bank account details provided by the shareholder. Where the Company has remitted the payment in accordance with the bank account details provided by the shareholder and the shareholder has not received the amount, the Company shall not be liable for such amount remitted to the shareholder. The payment of dividends on shares listed or registered for trading on a Stock Exchange may be made through a securities company or the Vietnam Securities Depository.
5. Pursuant to the Law on Enterprises and the Law on Securities, the Board of Directors shall adopt a resolution specifying a record date for the list of shareholders. On the basis of that date, persons registered as shareholders or holders of other securities shall be entitled to receive dividends, interest, profit distributions, shares, notices or other materials.
6. Other matters relating to the distribution of profits shall be carried out in accordance with the provisions of law.

CHAPTER XIII BANK ACCOUNTS, RESERVE FUNDS, FISCAL YEAR AND ACCOUNTING SYSTEM

Article 43. Bank Accounts

1. The Company shall open accounts at Vietnamese banks or at foreign banks licensed to operate in Vietnam.
2. Subject to the prior approval of the competent authority, the Company may, where necessary, open bank accounts abroad in accordance with the provisions of law.
3. The Company shall conduct all payments and accounting transactions through its Vietnamese Dong or foreign-currency accounts at the banks at which it maintains accounts.

Article 44. Fiscal Year

The fiscal year of the Company shall commence on the first day of January each year and end on 31 December of the same year. The first fiscal year shall commence on the date of issue of the Enterprise Registration Certificate and end on 31 December of that year.

Article 45. Accounting System

1. The accounting system applied by the Company shall be the Vietnamese Accounting Standards (VAS), the enterprise accounting regime, or any specific accounting regime issued by the competent authority and approved by the Ministry of Finance.
2. The Company shall maintain its accounting books in Vietnamese and shall retain its accounting records in accordance with the laws on accounting and related laws. Such records shall be accurate, up to date, systematic, and sufficient to demonstrate and explain the transactions of the Company.
3. The currency unit used by the Company in accounting shall be Vietnamese Dong. Where the Company predominantly carries out economic transactions in a single foreign currency, it may elect to use such foreign currency as its currency unit in accounting, shall be responsible for such election before the law, and shall notify the tax authority directly responsible for the Company.

CHAPTER XIV

ANNUAL REPORT, FINANCIAL STATEMENTS AND INFORMATION- DISCLOSURE RESPONSIBILITY

Article 46. Annual, Semi-Annual and Quarterly Financial Statements

1. The Company shall prepare Annual Financial Statements in accordance with the provisions of law and the regulations of the State Securities Commission, and the reports shall be audited in accordance with Article 48 of this Charter. Within 90 days of the end of each fiscal year, the Company shall submit the Annual Financial Statements approved by the General Meeting of Shareholders to the competent tax authority, the State Securities Commission, the Stock Exchange (where the Company is listed), and the Business Registration Office.

2. The Annual Financial Statements shall include an Income Statement truly and objectively reflecting the profit or loss of the Company during the fiscal year; a Balance Sheet truly and objectively showing the operations of the Company as at the date of the report; a Cash Flow Statement; and Notes to the Financial Statements. If the Company is a parent company, the Annual Financial Statements shall additionally include both the separate Financial Statements of the Company and the Consolidated Financial Statements of the Company and its subsidiaries as at the end of each fiscal year.
3. The Company shall prepare and disclose reviewed semi-annual financial statements and quarterly financial statements (for listed companies or public companies of large size) in accordance with the regulations of the State Securities Commission and the Stock Exchange (for listed companies), and shall submit them to the relevant tax authority and the Business Registration Office in accordance with the Law on Enterprises.
4. The audited Annual Financial Statements (including the auditor's opinion), the reviewed semi-annual financial statements, and the quarterly financial statements (for listed companies and public companies of large size) shall be posted on the Company's website.
5. Any interested organisation or individual shall be entitled to inspect or copy the audited Annual Financial Statements and the semi-annual and quarterly financial statements during the Company's working hours, at the head office of the Company, subject to payment of a reasonable copying fee.

Article 47. Annual Report

The Company shall prepare and disclose an Annual Report in accordance with the laws on securities and the securities market.

CHAPTER XV AUDIT OF THE COMPANY

Article 48. Audit

1. The annual General Meeting of Shareholders shall appoint an independent audit firm, or approve a list of independent audit firms and authorise the Board of Directors to select one of them, to audit the financial statements of the Company for the following fiscal year on the basis of terms and conditions agreed with the Board of Directors.
2. The Company shall prepare and submit the Annual Financial Statements to the independent audit firm upon the end of the fiscal year.
3. The independent audit firm shall examine, confirm and prepare the audit report and submit it to the Board of Directors within two (02) months from the end of the fiscal year.
4. A copy of the audit report shall be enclosed with the Annual Financial Statements of the Company.

5. The independent auditor performing the audit of the Company may attend meetings of the General Meeting of Shareholders and shall be entitled to receive such notices and other information relating to the meeting of the General Meeting of Shareholders as the shareholders are entitled to receive, and may address the meeting on matters relating to the audit of the financial statements of the Company.

CHAPTER XVI COMPANY SEAL

Article 49. Company Seal

1. The Board of Directors shall approve the official seal of the Company, which shall be engraved in accordance with the provisions of law and the Charter of the Company.
2. The Board of Directors and the CEO shall use and manage the seal in accordance with the laws currently in force and the regulations of the Company.

CHAPTER XVII TERMINATION OF OPERATIONS AND LIQUIDATION

Article 50. Termination of Operations

1. The Company may be dissolved or cease operations in the following cases:
 - Where a competent court of Vietnam declares the Company bankrupt in accordance with the laws currently in force;
 - Where the Enterprise Registration Certificate is revoked;
 - Where shareholders holding at least 65% of the total voting shares of the Company attending directly at the General Meeting of Shareholders, or voting through proxy, resolve to dissolve the Company;
 - In other cases provided by law.
2. Any decision to dissolve the Company shall be approved by the General Meeting of Shareholders, and such decision shall be notified to the competent Vietnamese authority for notification or approval where such approval procedure is mandatory.

Article 51. Extension of Operations

1. The Board of Directors shall convene a meeting of the General Meeting of Shareholders at least seven (07) months before the expiry of the term of operations for shareholders to vote on the extension of the operations of the Company upon the proposal of the Board of Directors.

2. The term of operations shall be extended where 65% or more of the total votes of voting shareholders present in person or through proxy at the meeting of the General Meeting of Shareholders approve the extension.

Article 52. Liquidation

1. At least six (06) months before the expiry of the term of operations of the Company, or after a resolution to dissolve the Company, the Board of Directors shall establish a Liquidation Board comprising three (03) members. Two (02) members shall be appointed by the General Meeting of Shareholders and one (01) member shall be appointed by the Board of Directors from an independent audit firm. The Liquidation Board shall prepare its own rules of operation. Members of the Liquidation Board may be selected from the staff of the Company or from independent experts. All costs related to the liquidation shall be paid in priority by the Company before other debts of the Company.
2. The Liquidation Board shall be responsible for reporting to the Business Registration Office the date of its establishment and the date on which it commenced operations. From that date, the Liquidation Board shall represent the Company in all matters relating to the liquidation of the Company before the courts and administrative authorities.
3. The proceeds of the liquidation shall be applied in the following order of priority:
 - Liquidation costs;
 - Outstanding wages, severance pay, social-insurance obligations and other benefits of employees under the collective labour agreement and signed employment contracts;
 - Tax debts;
 - Other debts of the Company;
 - The balance remaining after payment of all debts from items 3.1 to 3.4 above shall be distributed to shareholders. Preferred shares shall be paid in priority.

CHAPTER XVIII

RESOLUTION OF INTERNAL DISPUTES

Article 53. Resolution of Internal Disputes

1. Where disputes or complaints arise relating to the operations of the Company or to the rights and obligations of shareholders under the Law on Enterprises, other laws, the Charter of the Company or internal rules, between:
 - A shareholder and the Company;
 - A shareholder and the Board of Directors, the CEO or other executive officer;

The parties shall endeavour to resolve such dispute through negotiation and mediation. Save where the dispute relates to the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors,

the Chairman of the Board of Directors shall preside over the resolution of the dispute and shall require each party to present information relating to the dispute within 30 working days from the date on which the dispute arose. Where the dispute relates to the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors, any party may request the General Meeting of Shareholders to appoint an independent expert to act as the mediator in the resolution of the dispute.

2. Where no mediation decision is reached within six (06) weeks of the commencement of the mediation process, or where the decision of the mediator is not accepted by the parties, a party may refer the dispute to economic arbitration or the economic court.
3. Each party shall bear its own costs in connection with the negotiation and mediation procedure. The payment of court costs shall be made in accordance with the judgment of the court.

CHAPTER XIX SUPPLEMENTATION AND AMENDMENT OF THE CHARTER

Article 54. Company Charter

1. Any amendment or supplementation of this Charter shall be considered and resolved by the General Meeting of Shareholders in accordance with the order and procedures stipulated in this Charter, the Law on Enterprises, and other relevant laws.
2. Where there are provisions of law relating to the operations of the Company that have not been addressed in this Charter, or where new provisions of law differ from the provisions of this Charter and cause the provisions of this Charter to be contrary to, or prejudicial to, the Company, the Board of Directors of the Company shall be entitled to consider the application of the new provisions of law and shall recommend the same for the consideration of the General Meeting of Shareholders for supplementation or replacement in the Charter of the Company at the next meeting of the General Meeting of Shareholders.

CHAPTER XX EFFECTIVE DATE

Article 55. Effective Date

1. This Charter comprises 20 chapters and 55 articles, has been unanimously adopted by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Vietravel Tourism Joint Stock Company, takes effect from the date of signing and issuance, and supersedes the Charter dated
2. This Charter is made in five (5) original copies, having equal legal validity, of which:
 - 2.1 One (01) copy shall be submitted to the competent State authority;

- 2.2 Four (04) copies shall be retained at the head office of the Company.
3. This Charter is the sole and official charter of the Company.
4. Copies or extracts of the Charter of the Company shall be valid where signed by the Chairman of the Board of Directors or by at least one half (1/2) of the total members of the Board of Directors.

Ho Chi Minh City, 2026.

**LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**
(signed)

NGUYEN QUOC KY